

Số: 798/NASCO-CBTT

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao Dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài (NASCO);

Trụ sở chính: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội;

Điện thoại: 024. 38840085;

Fax: 024. 38865555

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Việt Phương

Địa chỉ: Số 8 ngách 117/20 Nguyễn Sơn, Gia Thụy, Long Biên, Tp Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại (di động, cơ quan, fax):

Di động:

CQ: 024. 38840668;

Fax: 024. 38865555

Loại công bố thông tin: Bất thường

Nội dung công bố thông tin: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài công bố thông tin: Biên bản và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

(Có Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội kèm theo)

Các văn bản có liên quan đến sẽ được đăng tải trên website:
<http://nasco.com.vn/quan-he-voi-nha-dau-tu.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BTK

Người công bố thông tin
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Việt Phương

BIÊN BẢN

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI

A. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Tên Doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài
Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội
Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 0100108254 (Số cũ 0103011589) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/04/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14/09/2018
Thời gian họp: Từ 8h30 phút, ngày 31 tháng 05 năm 2022
Địa điểm họp: Trụ sở Công ty - Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

B. THÀNH PHẦN THAM DỰ

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty, các khách mời tham dự Đại hội và các cổ đông/đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (theo danh sách cổ đông được chốt tại ngày 04/05/2022).

C. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG ĐẠI HỘI

- Ông Lê Mạnh Hiền – Thay mặt Ban tổ chức tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự đại hội.
- Ông Nguyễn Tiến Dũng - Thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo tại Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tại thời điểm khai mạc (08 giờ 32 phút) như sau:
 - Số lượng đại biểu tham gia: 9
 - Số lượng cổ đông ủy quyền: 40
 - Đại diện cho: 6.605.391 cổ phần, tương đương 6.605.391 phiếu biểu quyết chiếm 79,4349% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông của Công ty.

Căn cứ Khoản 1, Điều 145 của Luật doanh nghiệp 2020 và Khoản 1 Điều 19 của Điều lệ của Công ty, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

3. Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu:

❖ **Đoàn Chủ tịch:**

- Ông Lê Đức Cảnh - Chủ tọa
- Ông Trần Việt Phương - Thành viên
- Bà Hà Thị Thu Nga - Thành viên

❖ **Ban Thư ký:**

- Ông Vũ Xuân Mạnh - Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thành viên

❖ **Ban Kiểm phiếu:**

- Ông Lê Mạnh Hiền - Trưởng ban
- Ông Phạm Mai Khanh - Thành viên
- Ông Đào Minh Anh - Thành viên

Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu đã được Đại hội biểu quyết và thông qua.

D. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. Thủ tục tiến hành khai mạc Đại hội

1. Ông Lê Đức Cảnh – Chủ tọa Đại hội trình ĐHĐCĐ Chương trình họp và được Đại hội biểu quyết nhất trí thông qua. Chương trình làm việc của Đại hội như sau:
 - 1.1. Giới thiệu và thông qua nhân sự Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu
 - 1.2. Trình bày và thông qua Chương trình họp; Quy chế làm việc và biểu quyết;
 - 1.3. Trình bày và thông qua các nội dung:
 - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022;
 - Báo cáo hoạt động của BKS năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022;
 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;
 - Tờ trình thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;
 - Tờ trình thông qua Kết quả chi trả thù lao/tiền lương năm 2021, kế hoạch chi trả thù lao/tiền lương năm 2022 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - Tờ trình thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty;
 - 1.4. Thảo luận và thực hiện biểu quyết;
 - 1.5. Nghi giải lao;
 - 1.6. Công bố kết quả biểu quyết các báo cáo, tờ trình Đại hội;
 - 1.7. Trình bày và thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội và bế mạc;
2. Ông Lê Đức Cảnh – Chủ tọa Đại hội trình ĐHĐCĐ Quy chế làm việc và biểu quyết của Đại hội và được Đại hội biểu quyết nhất trí thông qua.

II. Trình bày các Báo cáo và Tờ trình

1. Ông Trần Việt Phương – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.
(Theo Báo cáo số: 36/BC-NASCO/HĐQT ngày 27/05/2022)
2. Ông Nguyễn Tiến Dũng - Trưởng BKS Công ty trình bày Báo cáo hoạt động của BKS năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.
(Theo nội dung tại Báo cáo số: 33/BC-NASCO-BKS ngày 09/05/2022)
3. Bà Hà Thị Thu Nga – Thành viên HĐQT trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.
(Theo nội dung tại Tờ trình số: 37/TTr-NASCO/HĐQT ngày 27/05 /2022)
4. Ông Trần Việt Phương – Thành viên HĐQT trình bày Tờ trình thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.
(Theo nội dung tại Tờ trình số: 38/TTr-NASCO/HĐQT ngày 27/05/2022)
5. Ông Nguyễn Phú Thanh – Thành viên HĐQT trình bày Tờ trình thông qua Kết quả chi trả thù lao/tiền lương năm 2021, kế hoạch chi trả thù lao/tiền lương năm 2022 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
(Theo nội dung tại Tờ trình số: 39/TTr-NASCO/HĐQT ngày 27/05 /2022)
6. Ông Lê Đức Cảnh – Chủ tịch HĐQT trình bày Tờ trình thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty.
(Theo nội dung tại Tờ trình số: 40/TTr-NASCO/HĐQT ngày 27/05 /2022)

III. Các ý kiến/câu hỏi tham luận tại đại hội

Chủ tọa mời các cổ đông tham gia ý kiến đối với các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.

1. Cổ đông Tổng Công ty Hàng không VN - CTCP có ý kiến/câu hỏi như sau:
 - Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và Báo cáo tài chính năm 2021 (BCTC riêng và BCTC hợp nhất) được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.
 - Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 trình Đại hội
 - Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022 trình Đại hội, kiến nghị ĐHĐCĐ:
 - + ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT NASCO rà soát, điều chỉnh lại kế hoạch SXKD năm 2022 khi thị trường có những biến động bất thường, ảnh hưởng tới kết quả SXKD; đảm bảo việc điều hành các nguồn lực và tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với tình hình thực tế và thông báo cho cổ đông kết quả thực hiện.
 - Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty trình Đại hội, kiến nghị ĐHĐCĐ:
 - + ĐHĐCĐ giao HĐQT NASCO triển khai tăng vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

- + Ủy quyền cho HĐQT NASCO quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty đối với các điều khoản có liên quan đến nội dung thay đổi vốn điều lệ theo phương án phát hành được ĐHĐCĐ thông qua; thực hiện các thủ tục cần thiết để tiến hành thay đổi nội dung Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Công ty, đăng ký, lưu ký, niêm yết đối với cổ phần phát hành bổ sung và các thủ tục có liên quan khác theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.
 - Thông qua chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch chi năm 2022 trình Đại hội;
 - Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT, báo cáo hoạt động của BKS năm 2021, kế hoạch hoạt động năm 2022 trình Đại hội.
2. Ông Vũ Ngọc Sơn - Đại diện theo uỷ quyền của cổ đông Đỗ Hữu Nghĩa có ý kiến như sau:
- Nhất trí các nội dung báo cáo tờ trình trình tại Đại hội;
 - HĐQT và Ban điều hành Công ty đã có nhiều nỗ lực trong thời gian dịch bệnh để điều hành Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn.
 - Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty nhất là các dịch vụ kinh doanh cốt lõi vẫn có nhiều tiềm năng phát triển, Công ty tiếp tục mở rộng các lĩnh vực kinh doanh này, đẩy mạnh phát triển các dịch vụ chủ lực để ngày càng nâng cao hiệu quả.
 - Đối với việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ hàng không: Trong thời gian chưa thoái vốn Công ty chỉ đạo Người đại diện tăng cường công tác quản trị, cơ cấu lại hoạt động kinh doanh để nâng cao hiệu quả.
 - Chủ tịch HĐQT và TGD Công ty trả lời chi tiết các nội dung theo ý kiến của cổ đông.
3. Không có cổ đông khác có ý kiến đóng góp tại Đại hội.

IV. Biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình

- Ông Lê Mạnh Hiền – Trưởng Ban kiểm phiếu lên hướng dẫn Đại hội biểu quyết.
- Đại hội đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình; kết quả cụ thể như sau:

Tổng số tờ phiếu phát ra: 9 đại diện cho: **6.605.391** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

Tổng số tờ phiếu thu về: 8 đại diện cho: **6.082.091** phiếu biểu quyết, chiếm: **92,0777%** tính trên số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

Tổng số tờ phiếu không thu về: 1 đại diện cho: **523.300** phiếu biểu quyết, chiếm: **7,9223%** tính trên số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

1.1. Nội dung 01: Báo cáo hoạt động HĐQT năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022

- *Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 8 đại diện cho: 6.082.091 phiếu biểu quyết, chiếm: 92,0777% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 8 đại diện cho: 6.082.091 phiếu biểu quyết, chiếm: 92,0777% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy, Nội dung 01 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

1.2. Nội dung 02: Báo cáo hoạt động BKS năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 8 đại diện cho: 6.082.091 phiếu biểu quyết, chiếm: 92,0777% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu tán thành: 8 đại diện cho: 6.082.091 phiếu biểu quyết, chiếm: 92,0777% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy, Nội dung 02 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

1.3. Nội dung 03: Thông qua Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán; phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 8 đại diện cho: 6.082.091 phiếu biểu quyết, chiếm: 92,0777% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu tán thành: 8 đại diện cho: 6.082.091 phiếu biểu quyết, chiếm: 92,0777% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy, Nội dung 03 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

1.4. Nội dung 04: Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 8 đại diện cho: 6.082.091 phiếu biểu quyết, chiếm: 92,0777% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu tán thành: 8 đại diện cho: 6.082.091 phiếu biểu quyết, chiếm: 92,0777% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy, Nội dung 04 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

1.5. Nội dung 05: Thông qua Kết quả chi trả thù lao/tiền lương năm 2021, kế hoạch chi trả thù lao/tiền lương năm 2022 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 8 đại diện cho: 6.082.091 phiếu biểu quyết, chiếm: 92,0777% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu tán thành: 8 đại diện cho: 6.082.091 phiếu biểu quyết, chiếm: 92,0777% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy, Nội dung 05 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

1.6. Nội dung 06: Thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 8 đại diện cho: 6.082.091 phiếu biểu quyết, chiếm: 92,0777% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu tán thành: 8 đại diện cho: 6.082.091 phiếu biểu quyết, chiếm: 92,0777% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy, Nội dung 06 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

E. THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT

- Ông Vũ Xuân Mạnh – Thư ký Đại hội lên trình bày Biên bản và dự thảo Nghị quyết.
- Đại hội đã biểu quyết và nhất trí thông qua Biên bản, dự thảo Nghị quyết Đại hội.

F. BẾ MAC ĐẠI HỘI

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 kết thúc vào hồi 11 giờ 10 phút cùng ngày. Các nội dung trong phiên họp được lập thành Biên bản và được ĐHĐCĐ thông qua. Biên bản này gồm 7 trang, được lập thành 02 bản, lưu Hồ sơ văn kiện ĐHĐCĐ thường niên 2022 tại Văn phòng Công ty 01 bản, lưu Thư ký HĐQT 01 bản. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 sẽ được công bố toàn văn trên website Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (nasco.com.vn) để thông báo đến toàn thể cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Vũ Xuân Mạnh

CHỦ TOA ĐẠI HỘI



Lê Đức Cảnh

Số: 42 /NQ-NASCO/ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay

Nội Bài;

- Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài ngày 31/05/2022.

Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài ("NASCO"/ "Công ty") tổ chức tại Thành phố Hà Nội ngày 31/05/2022 đã thông qua Nghị quyết này với các nội dung sau đây:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

(Theo Báo cáo số: 36/BC-NASCO/HĐQT ngày 27/05 /2022)

2. Thông qua Báo cáo hoạt động BKS năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

(Theo Báo cáo số: 33/BC-NASCO-BKS ngày 09/05 /2022)

3. Thông qua Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.

(Theo Tờ trình số: 37/TTr-NASCO/HĐQT ngày 27/05 /2022). Cụ thể:

3.1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 (BCTC riêng và BCTC hợp nhất) được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY.

3.2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

Đơn vị: VNĐ

| TT | Nội dung | Số thông qua | Ghi chú |
|----|--------------------------------|------------------|---------|
| 1 | 2 | 4 | |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | - 80.813.546.086 | |
| 2 | Thuế TNDN phải nộp | | |
| | - Thuế TNDN phát sinh năm 2021 | 0 | |
| | - Thuế TNDN hoãn lại | 75.313.790 | |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | - 80.888.859.876 | |
| 4 | Phân phối các quỹ năm 2021 | 0 | |
| 5 | Chia cổ tức | 0 | |

| | | | |
|---|--|-------------------------|--|
| 6 | Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước | 4.928.136.208 | |
| | <i>Trong đó: - LN từ chênh lệch đánh giá lại TS góp vốn (không được chia cổ tức)</i> | 4.174.213.122 | |
| | <i>- LN còn lại được chia cổ tức</i> | 753.923.086 | |
| 7 | Lợi nhuận chuyển sang kỳ sau | - 75.960.723.668 | |

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua phương án không trích lập các quỹ và không chia cổ tức cho các cổ đông năm 2021 theo đề nghị của HĐQT.

4. Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

(Theo nội dung Tờ trình số: 38/TTr-NASCO/HĐQT ngày 27/05/2022)

Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022

Đơn vị: Triệu VNĐ

| STT | Các chỉ tiêu | TH năm 2021 | KH năm 2022 | %KH2022/TH2021 |
|------------|--|-------------|-------------|----------------|
| I | Kết quả kinh doanh công ty mẹ | | | |
| 1 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | 118.889 | 325.033 | 273% |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | -80.814 | 84.341 | |
| 3 | Tổng LNST thu nhập doanh nghiệp | -80.889 | 84.341 | |
| 4 | Vốn đầu tư của các CSH (VĐL) | 83.158 | 124.735 | 150% |
| 5 | Tỷ lệ cổ tức dự kiến | 0% | 0% | |
| 6 | Đầu tư XDCB và TTB (Giá trị giải ngân) | 420 | 54.369 | 12.945% |
| 7 | Đầu tư vốn vào DN khác | 0 | -13.780 | |
| III | Chỉ tiêu hợp nhất | | | |
| 1 | Tổng DT và thu nhập khác hợp nhất | 264.684 | 488.000 | 184,37% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | -128.130 | 84.869 | |

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT NASCO rà soát, điều chỉnh lại kế hoạch SXKD năm 2022 khi thị trường có những biến động bất thường, ảnh hưởng tới kết quả SXKD; đảm bảo việc điều hành các nguồn lực và tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với tình hình thực tế và thông báo cho cổ đông kết quả thực hiện.

5. Thông qua Kết quả chi trả thù lao/tiền lương năm 2021, kế hoạch chi trả thù lao/tiền lương năm 2022 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

(Theo nội dung Tờ trình số: 39/TTr-NASCO/HĐQT ngày 27/05/2022).

Kế hoạch thù lao, tiền lương năm 2022 cụ thể như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 5.400.000 VNĐ/người/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị: 4.700.000 VNĐ/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 4.000.000 VNĐ/người/tháng
- Tiền lương Trưởng BKS chuyên trách: 10.290.000 VNĐ/người/tháng

Tổng chi thù lao cho HĐQT & BKS năm 2022 là 386.400.000 VNĐ, quỹ tiền lương Trưởng BKS: 123.480.000 VNĐ.

6. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty.

(Theo nội dung Tờ trình số: 40/TTr-NASCO/HĐQT ngày 27/05/2022)

- ĐHĐCĐ giao HĐQT NASCO triển khai tăng vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

- Ủy quyền cho HĐQT quyết định chi tiết nguồn vốn triển khai khi thực hiện.

- Ủy quyền cho HĐQT NASCO quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty đối với các điều khoản có liên quan đến nội dung thay đổi vốn điều lệ theo phương án phát hành được ĐHĐCĐ thông qua; thực hiện các thủ tục cần thiết để tiến hành thay đổi nội dung Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Công ty, đăng ký, lưu ký, niêm yết đối với cổ phần phát hành bổ sung và các thủ tục có liên quan khác theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 2. ĐHĐCĐ giao cho HĐQT Công ty triển khai, thực hiện các nội dung trên theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Báo cáo kết quả thực hiện vào kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên kế tiếp.

Điều 3. Nghị quyết này đã được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/05/2022.

Các Cổ đông Công ty, các Ông/Bà: thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: HĐQT, BKS, BTK, VP.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Đức Cảnh

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**
Về việc Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài;

Căn cứ Nghị quyết số: 35 /NQ-NASCO/HĐQT ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (ĐHĐCĐ);

HĐQT Công ty xin báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ công tác của HĐQT năm 2022 như sau:

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2021:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:

1.1. Tình hình chung

- Dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, khó lường trên thế giới và trong nước mặc dù Vắc xin đã được tiêm chủng rộng rãi.

- Trong năm 2021, trong nước bùng phát 02 đợt dịch lớn vào tháng 02 và từ đầu tháng 05 đến cuối tháng 9/2021 với sự xuất hiện và lây lan nhanh của biến chủng Delta. Trong thời gian dịch bệnh bùng phát tình hình SXKD của Công ty ngày càng gặp nhiều khó khăn, nhất là sau khi TP. Hà Nội áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội từ ngày 24/07 - 21/09/2021.

Cuối tháng 8/2021, Cục HKVN yêu cầu dừng bán vé đường bay nội địa, đến 01/10/2021 mới cho phép hoạt động bay trở lại. Thời gian đầu sau giãn cách sản lượng khách thấp và phục hồi chậm.

- Trong năm các điểm kinh doanh tại khu vực nhà ga Quốc tế, một số điểm kinh doanh tại sảnh E nhà ga nội địa dừng kinh doanh cả năm 2021. Trong khoảng thời gian TP Hà Nội áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội từ ngày 24/07 đến hết tháng 9/2021, hầu hết tất cả các điểm kinh doanh của Công ty tại Cảng HKQT Nội Bài đều tạm dừng hoạt động và không có doanh thu.

- Một số chi phí đầu vào lớn đối với hoạt động kinh doanh tăng mạnh (Chi phí khấu hao, lãi vay thực hiện các dự án đầu tư, chi phí nguyên nhiên vật liệu...) ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của Công ty trong khi các nguồn thu giảm rất mạnh.

- Trong kỳ Công ty phải trích lập dự phòng lỗ đầu tư RNDN tại các Công ty có vốn góp (Nasco Logistics, VSSI) do các Công ty này bị lỗ, nhất là Nasco Logistics lỗ 89,34 tỷ đồng do phải trích lập 90 tỷ đồng đầu tư vào Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh.

- Trong bối cảnh thị trường kinh doanh bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh, Công ty đã kịp thời triển khai nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời như: Bố trí, sắp xếp hợp lý nguồn nhân lực; tìm kiếm giải pháp tăng doanh thu ngoài doanh thu chính cung cấp dịch vụ cho cổ đông Vietnam airlines; tiết giảm chi phí góp phần giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh.

- Trong năm Công ty cũng thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid – 19, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ theo quy định của các cơ quan chức năng.

1.2. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021:

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Các chỉ tiêu | KH năm 2021 | TH năm 2021 | TH 2021/KH 2021 (%) |
|-----------|--------------------------------------|-------------|-------------|---------------------|
| 1 | 2 | 4 | 5 | 7=5/4 |
| I | Kết quả kinh doanh công ty mẹ | | | |
| 1 | Tổng doanh thu | 238.296 | 118.889 | 49,9% |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 109 | - 80.814 | |
| 3 | Vốn điều lệ | 124.735 | 83.158 | 66,67% |
| 4 | KH đầu tư XDCB&TTB (GTGN) | 31.123 | 420 | 1,35% |
| II | Chỉ tiêu hợp nhất | | | |
| 1 | Tổng DT và thu nhập khác hợp nhất | 422.401 | 264.684 | 62,66% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | 9.492 | - 128.130 | |

1.3. Kết quả thực hiện chi thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị năm 2021:

- Tổng thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị: 64.800.000 đồng

- Tổng thù lao của các Thành viên Hội đồng quản trị khác: 225.600.000 đồng

Việc chi trả thù lao của HĐQT năm 2021 thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã thông qua.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác của HĐQT năm 2021:

2.1. Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021: *gc*

Trong năm 2021 HĐQT, từng thành viên HĐQT và Ban giám đốc điều hành công ty đã tích cực triển khai các nội dung công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021, cụ thể như sau:

- Thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021 được ĐHĐCĐ phê duyệt, xây dựng các giải pháp điều hành kế hoạch để thực hiện trong toàn công ty.

- Triển khai bầu bổ sung thành viên 04 thành viên HĐQT, 01 thành viên BKS nhiệm kỳ 2021-2026 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

- Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

- Phối hợp với BKS Công ty thực hiện phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021-2022 theo ủy quyền của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

2.2. Thực hiện các công việc theo thẩm quyền của HĐQT:

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tiến hành 4 phiên họp tập trung, 01 phiên họp ĐHĐCĐ và 14 phiên họp dưới hình thức lấy phiếu xin ý kiến bằng văn bản theo quy định tại điều 30 – Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức theo đúng trình tự; các biên bản và Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã được triển khai và ban hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Trong năm HĐQT đã ban hành 18 Nghị quyết (không bao gồm Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021), 11 Quyết định để điều hành hoạt động của Công ty.

Ngoài việc triển khai thực hiện các nội dung công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021, HĐQT và từng thành viên HĐQT triển khai các nội dung công việc như sau:

- Chỉ đạo triển khai xây dựng kế hoạch năm 2022, kế hoạch 05 năm 2021-2025.

- Chỉ đạo xây dựng phương án tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, nhằm tinh gọn bộ máy, giảm số lượng đầu mối quản lý và lao động gián tiếp góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

- Thực hiện thủ tục bầu bổ sung 04 thành viên HĐQT, 01 thành viên BKS nhiệm kỳ 2021-2026 do các thành viên HĐQT và BKS hết nhiệm kỳ để đảm bảo công tác giám sát và điều hành.

- Phê duyệt triển khai thực hiện các dự án đầu tư, mua sắm đảm bảo cơ sở vật chất, tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động điều hành và kinh doanh của Công ty, trong đó dự án quan trọng là: Dự án đầu tư 02 phòng khách hạng thương gia nội địa mới tại nhà ga T1 (Phòng A+B).



- Theo dõi, kiểm soát việc thực hiện kế hoạch SXKD của các Công ty có vốn góp của Công ty đảm bảo việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Bổ nhiệm lại cán bộ đã hết nhiệm kỳ, bổ nhiệm mới cán bộ quản lý theo thẩm quyền đảm bảo công tác quản lý điều hành luôn được duy trì ở tất cả các đơn vị, các cấp hoạt động kinh doanh.

- Thực hiện kiểm soát chặt chẽ các chi phí của Công ty góp phần giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh tới tình hình SXKD của Công ty.

- Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng quỹ phúc lợi và khen thưởng năm 2021 để kịp thời hỗ trợ người lao động chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn, tạm hoãn hợp đồng lao động trong thời gian diễn ra dịch bệnh, đồng thời động viên những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công việc.

- Thống nhất và phối hợp triển khai tốt chương trình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021.

2.3. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành

HĐQT thường xuyên thực hiện các hoạt động giám sát đối với TGD và Ban điều hành thông qua các báo cáo định kỳ; phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát để kiểm tra; đồng thời luôn bám sát tình hình hoạt động thực tế nhằm đưa ra các quyết sách, ban hành các Nghị quyết, Quyết định để chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành Công ty.

Ban điều hành đã nghiêm túc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ thường niên năm 2021 và các Nghị Quyết, Quyết định Hội đồng quản trị ban hành. Trong bối cảnh dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp, khó lường, mức độ cạnh tranh trong môi trường kinh doanh của Công ty ngày càng cao, Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý của công ty đã luôn nhiệt huyết, nỗ lực làm việc, nhanh nhạy linh hoạt nắm bắt tình hình, sáng tạo trong công tác lãnh đạo chỉ đạo góp phần đưa Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn, đảm bảo cao nhất lợi ích cho khách hàng, các cổ đông và người lao động.

Ban điều hành cũng thường xuyên tuyên báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh, đầu tư các dự án, tình hình tài chính..., giúp HĐQT quản trị nắm bắt kịp thời tình hình của Công ty chỉ đạo Công ty hoạt động một cách hiệu quả theo kế hoạch đề ra.

Hội đồng quản trị Công ty đánh giá cao và ghi nhận những cố gắng, nỗ lực trong năm 2021 của Ban điều hành nói chung và Tổng Giám đốc nói riêng.

2.4. Nhận xét đánh giá:

- Hội đồng quản trị tự nhận thấy đã chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các nội dung trong Nghị quyết của ĐHCĐ; đã hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo và giám sát đối với Tổng Giám đốc và các cán

bộ quản lý khác trong công tác điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định.

- Năm 2021, do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 Công ty và các công ty có vốn góp đã gặp nhiều rất khó khăn trong sản xuất kinh doanh nên không đạt kế hoạch lợi nhuận được giao. Tuy nhiên trong thời gian tới cùng với các chính sách mới ứng phó với dịch bệnh của Chính phủ, thị trường có sự phục hồi tình hình SXKD của Công ty sẽ có nhiều chuyển biến tích cực. Một số dự án đầu tư trọng điểm đã và đang được triển khai, tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm 2022 và những năm tiếp theo.

II. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2021 | Kế hoạch năm 2022 | KH 2022/ TH 2021 (%) |
|-----------|---------------------------|------|--------------------|-------------------|----------------------|
| I | Công ty mẹ | | | | |
| 1 | Tổng doanh thu | Tr.đ | 118.889 | 325.033 | 273,39% |
| 2 | Tổng LN TT | Tr.đ | - 80.814 | 84.341 | |
| 3 | Vốn điều lệ | Tr.đ | 83.158 | 124.735 | 150% |
| 4 | KH đầu tư XDCB&TTB (GTGN) | Tr.đ | 420 | 54.369 | 12.945% |
| II | Chỉ tiêu hợp nhất | | | | |
| 1 | Tổng doanh thu | Tr.đ | 264.684 | 488.000 | 184,37% |
| 2 | Tổng LN TT | Tr.đ | - 128.130 | 84.869 | |

Ghi chú: Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022 trong trường hợp chuyển nhượng thành công 1.000.000 cổ phần NCTS

2. Tình hình thực hiện KH 2021-2025 và công tác tái cơ cấu DN (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo báo cáo)

3. Phương hướng hoạt động năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty:

- Năm 2022 bối cảnh hoạt động của Công ty vẫn tiếp tục gặp khó khăn và nhiều thử thách. Mặc dù Vaccine được tiêm chủng rộng rãi, Chính phủ đã ban hành những biện pháp mới ứng phó với dịch bệnh. Tuy nhiên, dịch bệnh vẫn còn diễn biến khó lường với các biến chủng mới và đặc biệt là tình hình chính trị thế giới đang có nhiều diễn biến phức tạp, làm ảnh hưởng tới nền kinh tế toàn cầu và hoạt động khai thác vận tải hàng không.

- Môi trường kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục phải chịu sự cạnh tranh từ nhiều Công ty mới khác và thương hiệu lớn; một số chi phí đầu vào lớn đối với hoạt động kinh doanh tăng mạnh (Chi phí khấu hao, chi phí thuê mặt bằng, chi phí nguyên nhiên vật liệu...).

Từ những thực tế trên, phương hướng hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2022 tập trung vào các nội dung sau:

- HĐQT triển khai và thực hiện các nội dung công việc thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong đó tập trung vào việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

- HĐQT và từng thành viên HĐQT Công ty tập trung chỉ đạo ban Giám đốc kịp thời đề ra các giải pháp ứng phó với những diễn biến phức tạp của dịch Covid 19; đảm bảo an toàn cho CB-CNV và khách hàng, Chuẩn bị tốt các nguồn lực đáp ứng nhu cầu SXKD khi thị trường phục hồi.

- Thực hiện chương trình hoạt động định kỳ/chuyên đề theo đúng kế hoạch; Tập trung cho công tác chỉ đạo để cùng Tổng Giám đốc thực hiện điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, chuẩn bị các phương án ứng phó với các biến động của thị trường một cách kịp thời và linh hoạt;

- Đẩy nhanh thực hiện tái cơ cấu bộ máy tổ chức, lao động thất chặt sử dụng nguồn lực, tinh giản tối đa nhân lực ở các khâu, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả để cải thiện thu nhập cho người lao động; Tăng cường tổ chức huấn luyện, đào tạo nội bộ để đáp ứng nhu cầu phục hồi hoạt động SXKD;

- Tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh ở những lĩnh vực có thế mạnh, nhiều kinh nghiệm (Phòng khách hạng thương gia, vận chuyển khách trong sân đỗ máy bay), giữ vững thị phần các hoạt động này; từng bước tìm kiếm những thị trường, lĩnh vực kinh doanh mới.

- Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ.

- Tăng cường công tác quản lý hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp để có hiệu quả cao hơn.

- Tăng cường công tác chỉ đạo và công tác giám sát các hoạt động của Công ty nhất là sản xuất kinh doanh, quản lý chi phí và thực hành tiết kiệm; chất lượng dịch vụ, thường xuyên rà soát, hoàn thiện các chỉ tiêu định mức kinh tế - kỹ thuật.

- Tiếp tục củng cố và hoàn thiện tổ chức của Công ty, áp dụng phương pháp, công cụ quản lý tiên tiến để phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh mới.

- Nghiên cứu thị trường để triển khai một số loại hình kinh doanh mới, cơ cấu lại những lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả; tăng cường truyền thông quảng bá các loại hình dịch vụ của Công ty nhằm mở rộng thị phần và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý để điều hành và quản lý Công ty; Tổ chức giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy chế, quy định, nội quy của Công ty. Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ thống kê báo cáo.

- Xây dựng phương án huy động các nguồn vốn khác nhau (liên doanh, liên kết, hợp tác kinh doanh....) để đảm bảo đủ nguồn vốn thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm của Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022 để thực hiện những mục tiêu chung đã đề ra, HĐQT mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý cổ đông, các đối tác và toàn thể người lao động trong Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: BTK, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Đức Cảnh

PHỤ LỤC
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KH 2021-2025 VÀ
PHƯƠNG ÁN TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

(Kèm theo Báo cáo số 36 /BC-NASCO/HĐQT ngày 27 / 5 /2022)

1. Tình hình thực hiện kế hoạch 2021-2025

a. Báo cáo tóm tắt kết quả SXKD năm 2021 và KH 2022

- Kết quả SXKD năm 2021: Năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 tình hình SXKD của Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Tại một số thời điểm khi dịch bệnh bùng phát mạnh, hầu hết các lĩnh vực kinh doanh của Công ty phải tạm dừng hoạt động. Một số điểm kinh doanh tại khu vực nhà ga Quốc tế, sảnh E nhà ga T1 phải dừng hoạt động cả năm 2021. Doanh thu năm 2021 là 118.889 triệu đồng chỉ đạt 50% KH năm và 52% so với cùng kỳ năm 2020.

Doanh thu đạt thấp nhưng Công ty vẫn phải duy trì các khoản chi phí cố định lớn như: Chi phí thuê mặt bằng, chi phí nhân công, chi phí khấu hao TSCĐ, CCDC do đó năm 2021 Công ty không đạt KH được giao. Mặt khác, trong năm 2021 Công ty phát sinh các khoản trích lập dự phòng lỗ đầu tư RNDN và nợ phải thu khó đòi là 45.732 triệu đồng nên hiệu quả KD càng đạt thấp. LNTT năm 2021 là - 80.814 triệu đồng, giảm 80.922 triệu đồng so với cùng kỳ 2020.

- KH SXKD năm 2022: Năm 2022 sau khi Vaccine được tiêm chủng rộng rãi cùng với các chính sách mới ứng phó với dịch bệnh của Chính phủ các nước trên thế giới và Chính phủ Việt Nam, dự kiến thị trường vận tải hàng không có sự phục hồi. Tuy nhiên mức độ phục hồi còn phụ thuộc vào diễn biến dịch bệnh và tình hình chính trị trên thế giới nhất là cuộc xung đột Nga – Ucraina.

Tình hình SXKD của Công ty năm 2022 dự kiến có sự phục hồi và tăng trưởng so với TH năm 2021. Công ty mở lại hầu hết tất cả các điểm kinh doanh tại Cảng HKQT Nội Bài. Các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi như dịch vụ phòng khách hạng thương gia, dịch vụ vận chuyển khách trong sân đỗ tàu bay dự kiến có sự tăng trưởng mạnh. Trong năm Công ty có kế hoạch đưa vào khai thác 02 phòng C nội địa mới HTKD với các đối tác. Ngoài ra để cải thiện tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo nguồn vốn phục vụ SXKD, đầu tư phát triển giai đoạn tiếp theo, được sự thông qua về mặt chủ trương của TCT, Công ty thực hiện việc chuyển nhượng 1 triệu cổ phiếu tại NCTS.

Tổng doanh thu KH 2022 là: 325.033 triệu đồng bằng 273% so với TH 2021, LNTT dự kiến đạt: 84.341 triệu đồng (trong đó LN từ việc chuyển nhượng 1 triệu cổ phiếu tại NCTS là 84 tỷ đồng)

b. So sánh kết quả SXKD năm 2021, KH 2022 với KH định hướng 05 năm 2021-2025 đã được ĐHCĐ thường niên năm 2021 ghi nhận.

- Kết quả SXKD năm 2021: Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 và phát sinh chi phí trích lập dự phòng lỗ đầu tư RNDN nên kết quả SXKD năm 2021 không đạt so

với kế hoạch định hướng, LNTT năm 2021 là - 80.814 triệu đồng, giảm 80.923 triệu đồng so với KH.

- Kế hoạch SXKD năm 2022: Năm 2022 Công ty có kế hoạch chuyển nhượng 1 triệu cổ phiếu tại NCTS (dự kiến thu về 84 tỷ đồng) để cải thiện tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo nguồn vốn phục vụ SXKD, đầu tư phát triển do đó LNTT kế hoạch năm 2022 là: 84.341 triệu đồng, tăng 74.228 triệu đồng so với KH ĐHCĐ đã ghi nhận.

2. Đánh giá phân tích hiện trạng, tồn tại, hạn chế

a. Về mô hình tổ chức

- Giai đoạn 2011-2013 Công ty tổ chức hoạt động theo mô hình “Chức năng” không phù hợp với cơ chế thị trường có sự cạnh tranh và sự thay đổi nhu cầu, thói quen, yêu cầu chất lượng dịch vụ ngày càng cao của khách hàng. Năm 2013 Công ty thay đổi mô hình tổ chức hoạt động sang mô hình “Trực tuyến – Chức năng” phù hợp và hiệu quả hơn. Do đó trong giai đoạn tới Công ty tiếp tục duy trì mô hình quản lý này, đồng thời tinh gọn bộ máy để giảm các bộ phận gián tiếp và nâng cao hiệu quả.

b. Về lao động

Hiện tại trong cơ cấu lao động của Công ty có một số bộ phận người lao động đã gắn bó với Công ty trong thời gian dài, có kinh nghiệm. Tuy nhiên, một trong số đó là người lao động lớn tuổi, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và của công ty về ngoại ngữ, tin học, chuyên môn khác... Trong thời gian tới Công ty phải tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, tuyển dụng thay thế lao động trẻ, có trình độ tại các vị trí yêu cầu chuyên môn cao.

c. Về ngành nghề kinh doanh

Hiện nay, ngoài các ngành nghề kinh doanh cốt lõi, mang lại hiệu quả cao cho Công ty (ngoại trừ ảnh hưởng của dịch bệnh) như: Dịch vụ kinh doanh phòng khách hạng thương gia, dịch vụ vận chuyển khách trong sân đỗ tàu bay thì một số lĩnh vực kinh doanh của Công ty không đảm bảo hiệu quả như: Dịch vụ ăn uống giải khát, bán hàng bách hóa, lưu niệm. Trong thời gian vừa qua và trong thời gian tới Công ty không ngừng tìm kiếm các giải pháp để từng bước cải thiện hiệu quả kinh doanh lĩnh vực này như: Trả lại 02 mặt bằng KD kém hiệu quả, Hợp tác kinh doanh tại 04 vị trí.

- Hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp tại Công ty CP Giao nhận hàng hóa NASCO và Công ty CP đầu tư dịch vụ hàng không Việt Nam giai đoạn này chưa hiệu quả, một số thời điểm công ty phải trích lập dự phòng lỗ đầu tư RNDN.

3. Công tác triển khai tái cơ cấu tổ chức, lao động, ngành nghề SXKD trong năm 2021

a. Về ngành nghề kinh doanh

Sau một thời gian cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh của Công ty, đến 31/12/2021 Công ty đã đạt được một số kết quả sau:

- Ngành nghề kinh doanh cốt lõi không ngừng được tăng cường đầu tư phát triển, nâng cao CLDV và mở rộng quy mô;

- Đối với các ngành nghề kinh doanh kém hiệu quả như: Dịch vụ ăn nhanh giải khát, bán hàng bách hóa lưu niệm, Công ty thay đổi phương thức kinh doanh theo hướng hợp tác kinh doanh, thu hẹp quy mô để từng bước nâng cao hiệu quả.

b. Cơ cấu tổ chức, quản lý

- Năm 2021 về cơ bản Công ty vẫn giữ nguyên cơ cấu tổ chức hiện tại, số lượng đầu mối quản lý, tên gọi và nhiệm vụ chính của các đơn vị trực thuộc Công ty. Trong năm Công ty ưu tiên tập trung vào việc rà soát, sắp xếp lại lao động, phân công lại nhiệm vụ tại các bộ phận trực thuộc các đơn vị.

- Trong năm 2021, HĐQT Công ty ban hành Nghị quyết số 83/NQ-HĐT/NASCO về việc tiếp tục hoàn thiện phương án xây dựng đề án tái cơ cấu giai đoạn 2021 - 2025 để báo cáo HĐQT Công ty và sẽ được hoàn thiện trong quý I/2022.

- Đầu tư RNDN: Đến 31/12/2021 Công ty vẫn giữ nguyên các khoản đầu tư RNDN so với năm 2020.

+ Công ty đang triển khai xây dựng phương án thoái vốn đầu tư vào VSSI theo kiến nghị của KTTN trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Tiến hành các thủ tục chuyển nhượng một phần vốn góp của NASCO tại NCTS theo Nghị quyết HĐQT đã thông qua.

c. Cơ cấu lao động

| TT | Đối tượng lao động | Tại ngày 31/12/2020 | | Tại ngày 31/12/2021 | |
|-----|--------------------------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|
| | | Lao động thực tế cuối kỳ | Lao động thực tế SDBQ | Lao động thực tế cuối kỳ | Lao động thực tế SDBQ |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 1 | Thành viên HĐQT chuyên trách | | | | |
| 2 | Trưởng BKS/KSV chuyên trách | | | | |
| 3 | Ban điều hành | 3 | 3,42 | 4 | 3,42 |
| 4 | Lao động ký HĐ trực tiếp với Công ty | 529 | 413,25 | 515 | 358,33 |
| 5 | Lao động thuê ngoài | 0 | 0,00 | 0 | |
| | Tổng cộng | 532 | 416,67 | 519 | 361,75 |

4. Định hướng tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2022-2025

4.1. Về cơ cấu tổ chức

Công ty đã triển khai công tác tái cơ cấu tại một số bộ phận thuộc các đơn vị nhằm giảm bớt đầu mối quản lý, tăng cường hiệu quả công tác điều hành, tiết kiệm chi phí, sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả. Cụ thể như sau:

a. Đối với các đơn vị là các phòng tham mưu và đảm bảo kinh doanh:

* Các đơn vị giữ nguyên chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, tên gọi, chỉ định biên sắp xếp lại lao động gồm:

- Phòng Tổ chức nguồn lực

- Phòng Kế hoạch - Thị trường
- Phòng Tài chính - Kế toán
- Phòng Cung ứng hàng hoá - Đầu tư trang thiết bị

* Các đơn vị giữ nguyên chức năng nhiệm vụ, tên gọi nhưng điều chỉnh lại cơ cấu tổ chức, định biên sắp xếp lại lao động gồm:

Văn phòng Công ty:

Kiện toàn lại cơ cấu tổ chức, trong đó:

- Giải thể Đội giám sát bảo vệ;
- Giải thể Đội kỹ thuật trang thiết bị.
- Kết quả: Giảm được 2 đầu mỗi quản lý để tiết kiệm chi phí.

b. Đối với các đơn vị là các Trung tâm trực tiếp SXKD:

* Các đơn vị giữ nguyên chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, tên gọi

Trung tâm Dịch vụ Vận tải ô tô Hàng không: Giữ nguyên cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ như hiện tại;

* Các đơn vị giữ nguyên tên gọi: Điều chỉnh lại chức năng nhiệm vụ, thay đổi cơ cấu tổ chức, định biên sắp xếp lại lao động gồm:

Trung tâm Dịch vụ Hàng không:

Kiện toàn thay đổi lại cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm trong đó:

- Thành lập thêm một Đội Dịch vụ hành khách phục vụ cho các tập đoàn;
- Sáp nhập Đội DVHK Nội địa và quốc tế thành đội DVHK Bông Sen;
- Sáp nhập ba Cửa hàng ăn nhanh giải khát tại nhà ga Nội địa và Nhà hàng quốc tế thành một Nhà hàng NASCO;

- Giải thể phòng bán vé máy bay để cơ cấu lại nhiệm vụ, mô hình mới sau khi kiện toàn

- + Giám đốc Trung tâm:
- + Ban nghiệp vụ
- + Đội Dịch vụ hành khách Bông Sen
- + Đội Dịch vụ hành khách phục vụ các tập đoàn
- + Nhà hàng NASCO.

- Kết quả: Giảm được 04 đầu mỗi, sau khi cơ cấu Trung tâm còn 04/08 bộ phận.

Trung tâm Thương mại Hàng không:

Kiện toàn lại cơ cấu tổ chức bộ máy, trong đó:

- Sáp nhập Cửa hàng miễn thuế xuất cảnh với Cửa hàng lưu niệm, cơ cấu tổ chức bộ máy tổ chức mới gồm:

- + Ban nghiệp vụ
- + Cửa hàng thương mại quốc tế (sáp nhập Cửa hàng miễn thuế xuất cảnh và Cửa hàng lưu niệm).

- Kết quả: Giảm được 01 đầu mỗi quản lý.

* **Kết quả sắp xếp lại cơ cấu tổ chức:** Đến thời điểm 1/4/2022 đã tinh giảm được 7 bộ phận/19 bộ phận trực thuộc các đơn vị (bằng 36,84%) so với cơ cấu tổ chức

Công ty tính đến 31/12/2020, giảm định biên 21 cán bộ, tiết kiệm chi phí nhân công cho Công ty.

- Đối với lao động: Tính từ đầu năm 2021 đến nay, công ty đã giảm 50 lao động tương ứng với việc giảm chi phí tiền lương và các chế độ bảo hiểm.

4.2. Định biên theo mô hình tổ chức mới

a. Giai đoạn tháng 1/2021 - 4/2022 (duy trì)

| TT | Đối tượng lao động | Tại ngày 01/01/2021 | | Tại ngày 31/12/2021 | | Tại ngày 15/4/2022 |
|----|--------------------------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------|
| | | Lao động thực tế cuối kỳ | Lao động thực tế SDBQ | Lao động thực tế cuối kỳ | Lao động thực tế SDBQ | Lao động thực tế |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 1 | Thành viên HĐQT/HĐTV chuyên trách | | | | | |
| 2 | Trưởng BKS/KSV chuyên trách | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 3 | Ban điều hành | 3 | 3,42 | 4 | 3,42 | 4 |
| 4 | Lao động ký HĐ trực tiếp với Công ty | 529 | 413,25 | 515 | 358,33 | 491 |
| 5 | Lao động thuê ngoài | 0 | 0,00 | | 0,00 | 0 |
| | Tổng cộng | 532 | 416,67 | 519 | 361,75 | 495 |

b. Giai đoạn Từ tháng 5/2022 đến năm 2025 (phục hồi và phát triển)

Công ty dự kiến giữ nguyên mô hình cơ cấu tổ chức vừa mới tái cơ cấu để quản lý và điều hành ổn định trong các năm tiếp theo. Trên cơ sở hiệu quả của hoạt động kinh doanh Công ty sẽ có những phương án điều chỉnh kịp thời về mô hình tổ chức và phương án kinh doanh của các đơn vị (nếu có) đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao.

Trong những năm tới Công ty dự kiến sẽ nghiên cứu và triển khai hoạt động kinh doanh phòng khách hạng thương gia tại một số sân bay nhỏ trên toàn quốc như Phú Quốc, Vinh, ...Đối với các mặt bằng kinh doanh tại các nhà ga có hoạt động kinh doanh không hiệu quả Công ty tiếp tục tìm kiếm các đối tác kinh doanh để hợp tác hoặc nhượng quyền kinh doanh giảm chi phí Công ty nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tăng cường lao động có chất lượng cao thay thế cho các lao động nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động để thực hiện các công việc chuyên môn đòi hỏi áp dụng khoa học, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, bổ sung thêm nhiệm vụ cho các phòng tham mưu phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ phát sinh trong quá trình hoạt động.

Bảng định biên lao động giai đoạn 2022-2025

| TT | Đối tượng lao động | Tại ngày 15/4/2022 | Số LĐ đến ngày 31/12/2022 | Định biên LĐ 2023-2025 |
|----|-----------------------------------|--------------------|---------------------------|------------------------|
| 1 | Thành viên HĐQT/HĐTV chuyên trách | 0 | 0 | 0 |

| TT | Đối tượng lao động | Tại ngày 15/4/2022 | Số LĐ đến ngày 31/12/2022 | Định biên LĐ 2023-2025 |
|----|--------------------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|
| 2 | Trưởng BKS/KSV chuyên trách | 1 | 1 | 1 |
| 3 | Ban điều hành | 4 | 4 | 4 |
| 4 | Lao động ký HĐ trực tiếp với Công ty | 491 | 556 | 556 |
| 5 | Lao động thuê ngoài | 0 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | 495 | 561 | 561 |

4.3 Về ngành nghề SXKD

* Phương án tái cơ cấu ngành nghề kinh doanh: Tiếp tục duy trì các ngành nghề kinh doanh chính hiện nay của Công ty, tổ chức lại kinh doanh nâng cao hiệu quả, tìm kiếm cơ hội mở rộng ngành nghề kinh doanh.

- Tập trung đầu tư, nâng cao CLDV và hiệu quả các ngành nghề kinh doanh cốt lõi, có hiệu quả cao như: Dịch vụ phục vụ khách hạng thương gia, dịch vụ vận chuyển khách trong sân đỗ tàu bay.

- Tổ chức lại hoạt động kinh doanh các ngành nghề kinh doanh kém hiệu quả như: Dịch vụ ăn uống, bán hàng bách hóa, lưu niệm:

+ Tiếp tục tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh tại các điểm kinh doanh ăn uống, bán hàng bách hóa còn lại không có hiệu quả.

+ Xem xét trả lại một số mặt bằng nếu không có đối tác HTKD để thu hẹp quy mô, giảm lỗ các lĩnh vực này (Các điểm kinh doanh tại khu vực sảnh E nhà ga T1).

- Tìm kiếm cơ hội mở rộng các ngành nghề kinh doanh có hiệu quả cao:

+ Mở rộng hợp tác KD lĩnh vực phòng khách hạng Thương gia với các đối tác lớn (Ngân hàng, công ty du lịch, các tập đoàn, tổng công ty...)

+ Mở rộng kinh doanh lĩnh vực phòng khách hạng thương gia tại các sân bay khác ngoài Cảng HKQT Nội Bài: Sân bay Đà Nẵng, Vinh, các sân bay lẻ khác.

+ Nghiên cứu mở ngành nghề mới tại Cảng HKQT Nội Bài: Bán hàng miễn thuế nhập cảnh...

4.4. Các giải pháp thực hiện

a. Giải pháp tăng doanh thu

Giai đoạn vừa qua do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 doanh thu và lợi nhuận của Công ty giảm mạnh. Công ty đẩy mạnh các biện pháp tăng doanh thu nhằm nâng cao hiệu quả gồm:

- Tăng cường, mở rộng hợp tác kinh doanh lĩnh vực phòng khách hạng thương gia với các đối tác lớn như: Các ngân hàng, các tổ chức kinh tế lớn.

- Mở rộng phạm vi kinh doanh khỏi địa bàn truyền thống hiện nay: Phát triển dịch vụ phòng khách hạng thương gia tại các sân bay lẻ phục vụ khách VNA và đối tượng khách khác.

- Tích cực tìm kiếm các nguồn thu khác như: Cho thuê văn phòng, tài trợ, quảng cáo.

b. Giải pháp tiết giảm chi phí

Trong giai đoạn dịch bệnh bùng phát, Công ty đã triệt để tiết kiệm các khoản chi phí, nhất là các chi phí không liên đến hoạt động SXKD để giảm thiểu ảnh hưởng của dịch bệnh. Thời gian tới sau khi dịch bệnh được khống chế Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí gồm:

- Triệt để tiết kiệm các chi phí gián tiếp (chi phí điện nước, VPP, chi phí công tác, giao dịch đối ngoại...)

- Rà soát, hoàn thiện lại hệ thống định mức, định lượng của Công ty tránh hao hụt, thất thoát.

- Rà soát và tối ưu hóa lại quy trình cung cấp dịch vụ để tiết giảm chi phí tại các khâu không cần thiết. Tuy nhiên hiện tại các quy trình cung cấp dịch vụ của Công ty đã được xây dựng theo hệ thống ISO 9001-2015 tương đối phù hợp với thực tế và sẽ tiếp tục nghiên cứu xem xét để tối ưu hóa.

c. Giải pháp về nguồn nhân lực

Sau khi dịch bệnh Covid – 19 bùng phát, Công ty đã áp dụng linh hoạt nhiều giải pháp lao động, tiền lương phù hợp với diễn biến dịch bệnh để đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của DN và người lao động. Các giải pháp đã triển khai thực hiện gồm: Vận động NLĐ lớn tuổi chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn, tạm hoãn HĐLĐ đối với NLĐ tại các vị trí dừng kinh doanh, bố trí NLĐ làm việc luân phiên theo khối lượng công việc. So với thời điểm trước dịch đến nay (15/04/2022) số lượng lao động của Công ty là 495 người, giảm 124 người so với trước khi dịch.

Khi thị trường phục hồi, Công ty sẽ rà soát lại lực lượng lao động, bố trí sắp xếp hợp lý trên cơ sở số lượng lao động hiện có, đảm bảo năng suất lao động và tiết kiệm chi phí.

d. Các giải pháp khác

- Giải pháp về Thương mại, dịch vụ: Không ngừng nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ để giữ các khách hàng truyền thống có và thu hút các khách hàng tiềm năng khi thị trường phục hồi. Phát triển các kênh bán sản phẩm, dịch vụ của Công ty như: Bán trên website thương mại điện tử, hợp tác bán hàng trên website của TCT...

- Công nghệ thông tin, chuyển đổi số: Tiếp tục hoàn thiện và ứng dụng có hiệu quả các phần mềm quản trị MIS, hệ thống KPI phục vụ công tác quản trị SXKD.

- Giải pháp về đầu tư: Rà soát, tập trung đầu tư các hạng mục mang tính cấp thiết phục vụ các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, mang lại hiệu quả cao của Công ty. Ngoài ra, Công ty sẽ xem xét, nghiên cứu đầu tư để mở rộng ngành nghề kinh doanh.

- Phối hợp với Công ty kiểm toán độc lập: BKS đã thực hiện trao đổi công việc, nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của BKS:

- Thù lao của các thành viên BKS và chi phí hoạt động trong năm 2021 thực hiện Nghị quyết 63/NQ-ĐHĐCĐ/NASCO ngày 24/6/2021 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Tổng chi phí lương và thù lao của BKS trong năm 2021 là 219,48 triệu đồng, trong đó lương của Trưởng BKS: 10,29 triệu đồng/tháng, thù lao của TV BKS 4 triệu đồng/người/tháng.

- Chi phí hoạt động của BKS trong năm không phát sinh .

4. Tổng kết các cuộc họp của BKS:

- Hợp xây dựng và thống nhất kế hoạch hoạt động của BKS năm 2021.

- Hợp thông qua các nội dung báo cáo của BKS về soát xét BCTC quý 1 năm 2021 và thống nhất nội dung dự thảo quy chế hoạt động của BKS theo Luật doanh nghiệp mới 59/2020/QH14.

- Hợp thống nhất nội dung kết quả thẩm định BCTC năm 2021 của công ty.

- Hợp thống nhất nội dung báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ 2022.

- Thống nhất nội dung kế hoạch và phân công nhân sự BKS tham gia, giám sát công tác kiểm kê tài sản định kỳ cuối năm 2021 của BKS tại Công ty.

- Thống nhất giải quyết các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS.

Trong quá trình làm việc các thành viên trong BKS thường xuyên thực hiện trao đổi công việc qua các phương tiện email, điện thoại để hoạt động được thực hiện kịp thời, liên tục và hiệu quả.

5. Phối hợp hoạt động của BKS với HĐQT, Ban giám đốc, các bộ phận quản lý của Công ty và cổ đông.

- Đối với HĐQT, Ban giám đốc và các bộ phận quản lý của Công ty, BKS duy trì mối quan hệ công tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của các cổ đông trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, BKS luôn nhận được sự phối hợp từ HĐQT, Ban giám đốc và các bộ phận chức năng của Công ty.

- Đối với cổ đông: trong năm 2021 BKS không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu kiện nào từ cổ đông.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SXKD, QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY:

1. Tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT

Các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT năm 2021 được Công ty triển khai thực hiện đầy đủ nghiêm túc. Một số NQ của HĐQT đã triển khai chưa hoàn thành và tiếp tục thực hiện:

- NQ số 28/NQ-NASCO/HĐQT: phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án đầu tư xây mới các phòng khách hạng thương gia A+B.

- NQ số 105/NQ-NASCO/HĐQT: phê duyệt PA chuyển nhượng vốn của NASCO tại VSSI.

- NQ số 112/NQ-NASCO/HĐQT: phê duyệt PA chuyển nhượng vốn của NASCO tại NCTS.

2. Tình hình hoạt động SXKD năm 2021

Một số chỉ tiêu chính về tình hình hoạt động Công ty năm 2021:

Trên BCTC hợp nhất

| STT | Chi tiêu | Đơn vị tính | KH 2021 | TH 2020 | TH 2021 | %TH2021/ KH2021 | %TH2021/ TH2020 |
|-----|----------------------------|-------------|---------|---------|----------|--------------------|--------------------|
| 1 | Doanh thu và thu nhập khác | Tr.đồng | 442.401 | 365.690 | 264.684 | 59,83% | 72,38% |
| 2 | Chi phí | Tr.đồng | 432.909 | 365.902 | 392.814 | 90,74% | 107,35% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 9.492 | - 212 | -128.130 | -1349,87% | 60438,68% |

Trên BCTC riêng

| STT | Chi tiêu | Đơn vị tính | KH 2021 | TH 2020 | TH 2021 | %TH2021/ KH2021 | %TH2021/ TH2020 |
|-----|----------------------------|-------------|---------|---------|---------|--------------------|--------------------|
| 1 | Doanh thu và thu nhập khác | Tr.đồng | 238.296 | 226.634 | 118.889 | 49,89% | 52,46% |
| 2 | Chi phí | Tr.đồng | 238.187 | 226.526 | 199.703 | 83,84% | 88,16% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 109 | 108 | -80.814 | -74141,28% | -74827,78% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | 109 | 183 | -80.889 | -74210,09% | -44201,64% |

BCTC riêng và BCTC hợp nhất của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần hàng không sân bay Nội Bài tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty kiểm toán: còn có vấn đề nhấn mạnh và lưu ý:

Tại báo cáo tài chính riêng: tại ngày 31/12/2021, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của công ty là 51 tỷ đồng, đồng thời trong năm 2021 khoản lỗ sau thuế của Công ty với số tiền là 80,9 tỷ đồng (trong đó bao gồm 44,1 tỷ là lỗ do trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính) dẫn đến lỗ lũy kế tới ngày 31/12/2021 là 75,9 tỷ đồng. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh 35 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Cũng theo thuyết minh số 35 phần Thuyết minh báo cáo tài chính đã nêu, Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp để cải thiện tình hình tài chính như: Duy trì và mở rộng các hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tác ngoài Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, thực hiện cho nhân viên đi làm luân phiên, đóng cửa các địa điểm kinh doanh không hiệu quả, tiết giảm chi phí, cơ cấu sắp xếp lại nhân sự, phòng ban, thúc đẩy việc thu hồi công nợ, cơ cấu lại các khoản đầu tư và các biện pháp khác để duy trì tính liên tục hoạt động của Công ty. Ngoài ra không có bất kỳ sự kiện nào khác về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Tại báo cáo tài chính hợp nhất: tại ngày 31/12/2021 các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của công ty là 26,7 tỷ đồng, đồng thời trong

năm 2021 khoản lỗ thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lỗ sau thuế của Công ty mẹ với số tiền lần lượt là 127,8 tỷ đồng và 91,5 tỷ đồng (trong đó bao gồm 90 tỷ đồng là lỗ do trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính) dẫn đến lỗ lũy kế tới ngày 31/12/2021 là 85,4 tỷ đồng. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Cũng theo thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính đã nêu, Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp để cải thiện tình hình tài chính như: Duy trì và mở rộng các hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tác ngoài Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, thực hiện cho nhân viên đi làm luân phiên, đóng cửa các địa điểm kinh doanh không hiệu quả, tiết giảm chi phí, cơ cấu sắp xếp lại nhân sự, phòng ban, thúc đẩy việc thu hồi công nợ, cơ cấu lại các khoản đầu tư và các biện pháp khác để duy trì tính liên tục hoạt động của Công ty. Ngoài ra không có bất kỳ sự kiện nào khác về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục

Đánh giá kết quả hoạt động SXKD:

- Kết quả SXKD năm 2021 trên BCTC hợp nhất: chỉ tiêu về doanh thu và thu nhập khác đạt thấp so với KH2021 (đạt 59,83% KH), chỉ tiêu về chi phí chỉ đạt 90,74% KH và LNTT lỗ 128,13 tỷ đồng (KH2021 lãi 9,492 tỷ đồng).

- Kết quả SXKD của Công ty mẹ, năm 2021 doanh thu và thu nhập khác thực hiện của Công ty mẹ đạt 49,89% KH, chi phí đạt 83,84% KH, LNTT: 80,814 tỷ đồng (KH 2021 LNTT là 0,109 tỷ đồng). Nguyên nhân: do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 trong năm, Công ty mẹ và các công ty con, công ty liên kết đều gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh, trong năm công ty Taxi bị lỗ và Công ty mẹ phải trích lập dự phòng bổ sung 0,226 tỷ đồng, Công ty CP giao nhận hàng hóa Nasco bị lỗ và Công ty mẹ NASCO phải trích lập dự phòng 43,881 tỷ đồng trong năm 2021.

- Trong năm 2021 hoạt động SXKD của Công ty gặp khó khăn do dịch bệnh, Công ty đã thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý điều hành, tiết kiệm cắt giảm chi phí, quản lý sử dụng lao động tiết kiệm phù hợp với điều kiện thực tế, tăng cường tìm nguồn doanh thu bên ngoài đối tác truyền thống là VNA , tuy nhiên do dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng nặng nề có lúc hoạt động của Công ty gần như đình trệ, vì vậy kết quả SXKD của công ty bị lỗ, LNST 2021: âm 80,89 tỷ đồng.

3. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính

- Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định BCTC hợp nhất và BCTC công ty mẹ năm 2021 đã được công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY thực hiện kiểm toán tại báo cáo số: 10/BC-KSV/NASCO ngày 28/03/2022.

- Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và đã được Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY thực hiện kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán số:178/2022/UHY-BCKT và 179/2022/UHY-BCKT vào ngày 25/03/2022. Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung của BCTC năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu chính trên BCTC riêng của đơn vị

Đơn vị tính: đồng

| NỘI DUNG | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------|-------------|------------|
|----------|-------------|------------|

| NỘI DUNG | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| A. TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 236.435.604.699 | 373.190.350.765 |
| I. Tài sản ngắn hạn | 39.326.056.578 | 104.630.188.115 |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 8.965.194.347 | 18.719.902.878 |
| 2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | 22.000.000.000 |
| 3. Các khoản phải thu ngắn hạn | 23.393.550.014 | 41.127.082.881 |
| Trong đó :Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 16.846.709.841 | 33.624.817.250 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 4.083.859.026 | 4.582.562.605 |
| Các khoản phải thu khác | 2.462.981.147 | 3.009.593.464 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | | -89.890.438 |
| 4. Hàng tồn kho | 4.592.932.217 | 16.323.842.360 |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 2.374.380.000 | 6.459.359.996 |
| trong đó: Thuế GTGT được khấu trừ | 1.702.202.344 | 6.459.359.996 |
| Thuế và các khoản phía thu nhà nước | 672.177.656 | |
| II. Tài sản dài hạn | 197.109.548.121 | 268.560.162.650 |
| 1. Các khoản phải thu dài hạn | 1.292.584.834 | 958.131.563 |
| Trong đó: Phải thu dài hạn của khách hàng | 2.701.395.335 | 1.412.487.563 |
| Phải thu dài hạn khác | 216.360.000 | 116.360.000 |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | -1.625.170.501 | -570.716.000 |
| 2. Tài sản cố định | 157.358.923.913 | 163.506.958.609 |
| 3. Bất động sản đầu tư | 12.268.348.465 | 13.136.933.005 |
| 4. Tài sản dở dang dài hạn | 180.072.000 | 23.031.356.418 |
| 5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 20.831.429.687 | 64.938.823.717 |
| Trong đó: Đầu tư vào công ty con | 57.720.000.000 | 57.720.000.000 |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 1.280.000.000 | 1.280.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 6.694.690.000 | 6.694.690.000 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | -44.863.260.313 | -755.866.283 |
| 6. Tài sản dài hạn khác | 5.178.189.222 | 2.987.959.338 |
| B. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 236.435.604.699 | 373.190.350.765 |
| I. Nợ phải trả | 186.718.610.709 | 242.584.496.899 |
| 1. Nợ ngắn hạn | 90.344.694.630 | 128.348.020.896 |
| Trong đó: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 48.300.416.126 | 69.033.983.733 |
| 2. Nợ dài hạn | 96.373.916.079 | 114.236.476.003 |
| Trong đó: Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 93.155.036.455 | 111.203.648.379 |
| II. Vốn chủ sở hữu | 49.716.993.990 | 130.605.853.866 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 83.157.640.000 | 83.157.640.000 |
| 2. Cổ phiếu quỹ (*) | -2.820.000 | -2.820.000 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 38.553.684.206 | 38.553.684.206 |
| 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 3.969.213.452 | 3.969.213.452 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | -75.960.723.668 | 4.928.136.208 |
| Trong đó: LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước | 4.928.136.208 | 4.745.303.061 |
| LNST chưa phân phối kỳ này | -80.888.859.876 | 182.833.147 |

Trong năm 2021, tổng tài sản giảm 136,754 tỷ đồng tương đương giảm 36,64% so với đầu kỳ.

Nguồn vốn giảm: 136,754 tỷ đồng, trong đó: nợ phải trả giảm 55,866 tỷ đồng (giảm 23,03%) và VCSH giảm 80,889 tỷ đồng (giảm 61,93%) so với đầu kỳ.

Các chỉ tiêu tài chính

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 2019 | 2020 | 2021 |
|---|--------|--------|-------|---------|
| Các chỉ tiêu tài trợ vốn | | | | |
| 1. Vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn | % | 44,48 | 35,00 | 21,03 |
| 2. Vốn chủ sở hữu trên tài sản dài hạn | % | 83,36 | 48,63 | 25,22 |
| 3. Vốn chủ sở hữu trên tài sản cố định | % | 156,04 | 79,88 | 31,59 |
| Các chỉ tiêu thanh khoản | | | | |
| 1. Khả năng thanh toán hiện thời | Lần | 0,98 | 0,69 | 0,38 |
| 2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | Lần | 1,27 | 0,82 | 0,44 |
| 3. Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 0,49 | 0,32 | 0,10 |
| 4. Khả năng thanh toán tổng quát | Lần | 1,80 | 1,54 | 1,27 |
| Các chỉ tiêu lợi tức | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế trên doanh thu | % | 7,38 | 0,05 | (77,15) |
| 2. Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu | % | 6,28 | 0,09 | (77,22) |
| 3. Lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản | % | 11,20 | 0,03 | (26,59) |
| 4. Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản | % | 9,52 | 0,05 | (26,62) |
| 5. Lợi nhuận sau thuế trên NVCSH | % | 23,48 | 0,15 | (66,46) |

Đánh giá: Tình hình tài chính của Công ty, do trong năm 2021 công ty bị lỗ vì vậy Công ty không bảo toàn được vốn chủ sở hữu.

Các chỉ số tài chính bị sụt giảm so với năm 2020, Công ty đang có dấu hiệu mất cân đối về nguồn vốn (tài sản dài hạn > nguồn tài trợ ổn định). Khả năng thanh toán nhanh và thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty sụt giảm mạnh so với năm 2020, Công ty sẽ gặp khó khăn khi phải thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn đến hạn.

Trong kỳ công ty trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi với số tiền 965 triệu đồng, tổng số trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đến 31/12/2021 là 1,625 tỷ đồng. Công ty cần quan tâm, theo dõi, quản lý chặt chẽ các khoản công nợ, tuân thủ các quy định về quản lý công nợ đã ban hành.

4. Kết quả thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT

- Các cuộc của HĐQT trong năm 2021 được thực hiện đúng quy định pháp luật và điều lệ Công ty. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành và triển khai được Công ty thực hiện nghiêm túc.

- Các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã được Công ty triển khai thực hiện đúng quy định.

- Trong kỳ không có sự thay đổi thành viên HĐQT/BKS.

- Báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty của HĐQT đã phản ánh đúng tình hình quản lý điều hành Công ty của HĐQT, Ban kiểm soát nhất trí với báo cáo đánh giá.

5. Đánh giá tình hình đầu tư

- Kế hoạch khối lượng giá trị hoàn thành đầu tư XD CB và TTB năm 2021 của công ty là 40,229 tỷ đồng, trong năm công ty đã thực hiện 0,341 tỷ đồng đạt 0,85% KH năm 2021.

- Kế hoạch giá trị giải ngân đầu tư XD CB và TTB năm 2021 của công ty là: 31,123 tỷ đồng, trong năm công ty đã thực hiện 0,420 tỷ đồng đạt 1,35% KH năm 2021.

- Trong năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 và khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức tín dụng cho nên chỉ có 01 dự án đầu tư xây dựng phòng thương gia A&B là được tiến hành (giải ngân 420 triệu đồng), các dự án đầu tư khác đều tạm thời giãn hoãn chưa thực hiện.

- Đối với khoản đầu tư vào Công ty CP đầu tư dịch vụ hàng không Việt Nam (Taxi) trong năm Công ty mẹ trích lập dự phòng bổ sung thêm 0,226 tỷ đồng, đến thời điểm 31/12/2021 tổng số trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính vào công ty taxi là 0,991 tỷ đồng. Công ty đang tiếp tục tiến hành các thủ tục thoái toàn bộ vốn theo kiến nghị của KTNN tiến hành thoái vốn ra khỏi lĩnh vực này.

- Đối với khoản đầu tư vào công ty CP giao nhận hàng hóa Nasco trong năm 2021 do bị lỗ nên Công ty mẹ (Nasco) đã trích lập dự phòng trong năm là 43,881 tỷ đồng.

- Đối với khoản đầu tư vào công ty CP dịch vụ hàng hóa Nội bài vẫn đạt hiệu quả tốt, trong năm 2021 Công ty đã nhận được 11,880 tỷ đồng từ chia cổ tức từ khoản đầu tư này.

6. Thực hiện chính sách với người lao động

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung | KH 2021 | TH NĂM 2020 | TH NĂM 2021 | TH 2021/ KH2021 | TH 2021/ TH 2020 |
|-------|-------------------|---------|-------------|-------------|-----------------|------------------|
| 1 | Doanh thu SXKD | 238.296 | 226.634 | 118.889 | 49,89% | 52,46% |
| 2 | Năng suất LĐBQ | 110.43 | 117.38 | -120.75 | -109,35% | -102,87% |
| 3 | Tổng quỹ lương | 49.144 | 48.841 | 37.100 | 75,49% | 75,96% |
| 4 | Thu nhập BQ/tháng | 9.18 | 9.76 | 8.54 | 93,01% | 87,50% |
| 5 | Số lao động BQ | 446 | 417 | 362 | 81,17% | 86,81% |

Trong năm 2021 Công ty vẫn tiếp tục gặp khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, Công ty đã thực hiện đồng bộ các giải pháp cắt giảm tiết kiệm chi phí trong đó có chính sách về lao động và tiền lương, thực hiện cắt giảm sử dụng lao động, vận động người lao động tạm hoãn HĐLĐ, nghỉ việc không hưởng lương luân phiên, vận động người lao động gần đến tuổi nghỉ hưu nghỉ trước thời hạn, tiết kiệm chi phí về lao động tiền lương (Quỹ tiền lương TH 2021 bằng 75,49% KH 2021) góp phần giảm mức thua lỗ và duy trì hoạt động của công ty. Đến thời điểm 31/12/2021 số lượng lao động thực tế của công ty là 522 lao động, số lao động SDBQ là 362 lao động.

III. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Đại hội đồng cổ đông

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Thông qua BCTC năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty
- Thông qua các báo cáo, đề xuất của HĐQT trình ĐHCĐ

2. Đối với HĐQT Công ty

- Tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện thoái vốn khỏi Công ty CP đầu tư dịch vụ Hàng không Việt nam theo kiến nghị của KTNN.

- Tiếp tục chỉ đạo NĐD tại Công ty CP giao nhận hàng hóa Nasco tăng cường công tác kiểm tra giám sát chỉ đạo điều hành các hoạt động tài chính và kinh doanh của Công ty này đem lại hiệu quả vốn đầu tư.

3. Đối với Ban giám đốc Công ty.

- Tiếp tục rà soát nghiên cứu các giải pháp để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của các lĩnh vực kém hiệu quả liên tục nhiều năm của Công ty.

- Có giải pháp cơ cấu lại tài sản và nguồn vốn của công ty để đảm bảo cân đối nguồn vốn.

- Tiếp tục chủ động tìm kiếm đối tác, hoạt động kinh doanh mang lại doanh thu ngoài đối tác truyền thống.

- Theo dõi kiểm tra chặt chẽ các khoản vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

- Có biện pháp kiểm soát chi phí hiệu quả, tăng cường công tác quản lý công nợ, thu hồi công nợ đảm bảo dòng tiền hoạt động của Công ty.

- Sớm thực hiện chuyển nhượng 1 triệu CP tại công ty NTCS theo NQ số 112/NQ-NASCO/HĐQT của HĐQT công ty và tuân thủ các quy định pháp luật để cải thiện tình hình tài chính công ty.

IV. KẾ HOẠCH NĂM 2022 CỦA BAN KIỂM SOÁT.

Ban kiểm soát thực hiện các hoạt động theo quy định, và tập trung vào các nội dung chính sau:

1. Giám sát: thông qua các cuộc họp, các phiên họp dưới hình thức xin ý kiến của HĐQT, tham gia đóng góp ý kiến trên cơ sở phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch SXKD 2022:

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT, quyết định của Ban giám đốc.

- Thẩm định các BCTC, báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng và năm 2022.

3. Thực hiện kiểm tra chuyên đề (do BKS đánh giá và lựa chọn).

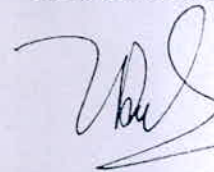
4. Các công việc khác theo quy định của BKS

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, TGD
- Lưu BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Tiến Dũng

Số: 37 /TTr-NASCO-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thông qua Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2021;
Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO);

Căn cứ Nghị quyết số 35 /NQ-NASCO/HĐQT ngày 27/5/2022 của HĐQT Công ty về việc thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2021 của NASCO và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2021 (đã được kiểm toán):

Báo cáo tài chính năm 2021 của NASCO và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY thực hiện kiểm toán theo đúng các chuẩn mực kiểm toán và kế toán hiện hành. Theo ý kiến của Kiểm toán độc lập, Báo cáo tài chính năm 2021 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Ban kiểm soát Công ty cũng đã thực hiện thẩm tra các Báo cáo trên.

(Có bảng tóm tắt Báo cáo tài chính và Báo cáo hợp nhất năm 2021 kèm tờ trình này).

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

Do ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid – 19 nên lợi nhuận trước thuế năm 2021 của Công ty không đạt kế hoạch được giao; hầu hết các lĩnh vực kinh doanh của Công ty đều bị sụt giảm mạnh; một số thời điểm Công ty gần như không có doanh thu như trong giai đoạn dịch bùng phát tại TP. HCM từ tháng 02 đến tháng 05/2021 và tại Hà Nội từ tháng 07 đến tháng 09/2021.

Năm 2021 Công ty không có lợi nhuận do đó không chia cổ tức cho các cổ đông và không trích lập các quỹ như: Quỹ đầu tư phát triển, Thưởng ban điều hành, Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Trên cơ sở khó khăn đã trình bày ở trên, HĐQT Công ty kính trình ĐHĐCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

Đơn vị: VNĐ

| STT | KHOẢN MỤC | NĂM 2021 |
|-----|--|-------------------------|
| 1 | Kết quả kinh doanh năm 2021 theo BCTC | - 80.813.546.086 |
| | Lợi nhuận kế toán trước thuế 2021 | - 80.813.546.086 |
| 2 | Xác định Thu nhập chịu thuế TNDN | - 81.444.780.467 |
| | - LN không chịu thuế TNDN | 13.746.318.500 |
| | - Chi phí không được trừ | 13.115.084.119 |
| 3 | Thuế TNDN phải nộp trong năm 2021 | 75.313.790 |
| | - Chi phí thuế TNDN phát sinh năm 2021 | - |
| | - Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 75.313.790 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | - 80.888.859.876 |
| 5 | Kế hoạch phân phối quỹ năm 2021 | - |
| | - Quỹ đầu tư, phát triển | - |
| | - Thương ban điều hành | - |
| | - Quỹ khen thưởng, phúc lợi 10% (trích theo quy định), trong đó: | - |
| | + Quỹ khen thưởng | - |
| | + Quỹ phúc lợi | - |
| 6 | Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối quỹ | - 80.888.859.876 |
| 7 | Lợi nhuận năm trước để lại, trong đó: | 4.928.136.208 |
| | - Lợi nhuận do đánh giá chênh lệch TS góp vốn (không được chia cổ tức) | 4.174.213.122 |
| | - Lợi nhuận còn lại chưa chia | 753.923.086 |
| 8 | Lợi nhuận được chia cổ tức, dự kiến: | - 80.134.936.790 |
| | Lợi nhuận chia cổ tức | - |
| | Lợi nhuận còn lại được chia cổ tức chuyển kỳ sau | - 80.134.936.790 |
| 9 | Lợi nhuận còn lại chuyển kỳ sau | - 75.960.723.668 |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT, BTK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Đức Cảnh

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Nội bài-Sóc sơn -Hà nội

Mã số thuế: 0100108254

(Mẫu CBTT 03 - Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

Năm 2021 - Sau kiểm toán

(Kèm theo tờ trình số: 37 /TTr - NASCO/HĐQT ngày 24 tháng 5 năm 2022)

I. Bảng cân đối kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | NỘI DUNG | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|------------|--|------------------------|------------------------|
| I | Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn | 39.326.056.578 | 104.630.188.115 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 8.965.194.347 | 18.719.902.878 |
| 2 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | - | 22.000.000.000 |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 23.393.550.014 | 41.127.082.881 |
| 4 | Hàng tồn kho | 4.592.932.217 | 16.323.842.360 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 2.374.380.000 | 6.459.359.996 |
| II | TSCĐ và đầu tư dài hạn | 197.109.548.121 | 268.560.162.650 |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 1.292.584.834 | 958.131.563 |
| 2 | Tài sản cố định | 157.358.923.913 | 163.506.958.609 |
| - | Nguyên giá TSCĐ hữu hình | 320.463.722.215 | 305.298.825.058 |
| - | Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình | (164.166.509.555) | (143.241.179.825) |
| - | Nguyên giá TSCĐ vô hình | 7.617.138.232 | 7.798.956.414 |
| - | Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình | (6.555.426.979) | (6.349.643.038) |
| 3 | Bất động sản đầu tư | 12.268.348.465 | 13.136.933.005 |
| - | Nguyên giá Bất động sản đầu tư | 14.143.740.334 | 14.243.961.941 |
| - | Giá trị hao mòn lũy kế BĐS đầu tư | (1.875.391.869) | (1.107.028.936) |
| 4 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 180.072.000 | 23.031.356.418 |
| 5 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 20.831.429.687 | 64.938.823.717 |
| 6 | Tài sản dài hạn khác | 5.178.189.222 | 2.987.959.338 |
| III | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 236.435.604.699 | 373.190.350.765 |
| IV | Nợ phải trả | 186.718.610.709 | 242.584.496.899 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 90.344.694.630 | 128.348.020.896 |
| 2 | Nợ dài hạn | 96.373.916.079 | 114.236.476.003 |
| V | Nguồn Vốn chủ sở hữu | 49.716.993.990 | 130.605.853.866 |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 49.716.993.990 | 130.605.853.866 |
| - | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 83.157.640.000 | 83.157.640.000 |
| - | Thặng dư vốn cổ phần | - | - |
| - | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 3.969.213.452 | 3.969.213.452 |
| - | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | - |
| - | Cổ phiếu quỹ | (2.820.000) | (2.820.000) |
| - | Quỹ dự phòng tài chính | - | - |
| - | Quỹ đầu tư phát triển | 38.553.684.206 | 38.553.684.206 |
| - | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | (75.960.723.668) | 4.928.136.208 |
| 2 | Nguồn kinh phí và quỹ khác | - | - |
| VI | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 236.435.604.699 | 373.190.350.765 |

II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: VNĐ

| TT | CHỈ TIÊU | Năm 2021 | Năm 2020 |
|----|---|-------------------------|------------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 104.933.161.281 | 200.790.674.373 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 185.754.691 | 245.147.357 |
| 3 | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV | 104.747.406.590 | 200.545.527.016 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 41.405.057.793 | 75.774.750.376 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV | 63.342.348.797 | 124.770.776.640 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 13.959.389.097 | 24.532.608.713 |
| 7 | Chi phí hoạt động tài chính | 56.441.175.974 | 9.971.057.521 |
| - | <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | <i>12.235.957.378</i> | <i>9.084.569.895</i> |
| 8 | Chi phí bán hàng | 73.181.535.478 | 103.320.021.876 |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 28.673.436.535 | 37.239.330.292 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | (80.994.410.093) | (1.227.024.336) |
| 11 | Thu nhập khác | 181.975.659 | 1.555.824.747 |
| 12 | Chi phí khác | 1.111.652 | 221.281.054 |
| 13 | Lợi nhuận khác | 180.864.007 | 1.334.543.693 |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (80.813.546.086) | 107.519.357 |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - |
| 16 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 75.313.790 | (75.313.790) |
| 17 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (80.888.859.876) | 182.833.147 |

90

HỒ SƠ
TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

Năm 2021 - Sau kiểm toán

(Kèm theo tờ trình số 37/TTr - NASCO/HĐQT ngày 27 tháng 5 năm 2022)

I. Bảng cân đối kế toán hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | NỘI DUNG | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|------------|--|------------------------|------------------------|
| I | Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn | 78.690.278.985 | 144.430.121.337 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 18.480.626.039 | 31.475.269.487 |
| 2 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 11.100.000.000 | 33.637.831.956 |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 41.158.520.544 | 55.103.142.745 |
| 4 | Hàng tồn kho | 4.747.223.764 | 16.649.671.328 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 3.203.908.638 | 7.564.205.821 |
| II | TSCĐ và đầu tư dài hạn | 187.790.644.908 | 301.362.976.681 |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 2.003.570.912 | 1.759.117.641 |
| 2 | Tài sản cố định | 160.611.217.190 | 162.933.848.604 |
| - | Nguyên giá TSCĐ hữu hình | 334.622.793.460 | 320.032.129.374 |
| - | Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình | (176.973.549.360) | (159.647.961.640) |
| - | Nguyên giá TSCĐ vô hình | 10.819.725.106 | 9.634.252.288 |
| - | Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình | (7.857.752.016) | (7.084.571.418) |
| 3 | Bất động sản đầu tư | 12.268.348.465 | 13.136.933.005 |
| - | Nguyên giá Bất động sản đầu tư | 14.143.740.334 | 14.243.961.941 |
| - | Giá trị hao mòn lũy kế BĐS đầu tư | (1.875.391.869) | (1.107.028.936) |
| 4 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 180.072.000 | 23.031.356.418 |
| 5 | Bất động sản đầu tư | - | - |
| 6 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 6.983.820.158 | 97.211.833.598 |
| 7 | Tài sản dài hạn khác | 5.743.616.183 | 3.289.887.415 |
| III | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 266.480.923.892 | 445.793.098.018 |
| IV | Nợ phải trả | 211.481.436.248 | 255.225.585.472 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 105.436.822.816 | 139.984.823.926 |
| 2 | Nợ dài hạn | 106.044.613.432 | 115.240.761.546 |
| V | Nguồn Vốn chủ sở hữu | 54.999.487.645 | 190.567.512.546 |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 40.267.086.168 | 128.448.023.458 |
| - | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 83.157.640.000 | 83.157.640.000 |
| - | Thặng dư vốn cổ phần | | |
| - | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 3.969.213.452 | 3.969.213.452 |
| - | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | - |
| - | Cổ phiếu quỹ | (2.820.000) | (2.820.000) |
| - | Quỹ dự phòng tài chính | | |
| - | Quỹ đầu tư phát triển | 38.553.684.206 | 38.553.684.206 |
| - | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | (85.410.631.490) | 2.770.305.800 |
| - | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 14.732.401.477 | 62.119.489.088 |
| VI | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 266.480.923.892 | 445.793.098.018 |



II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Hợp nhất:

Đơn vị tính: VNĐ

| TT | CHỈ TIÊU | Năm 2021 | Năm 2020 |
|----|---|--------------------------|------------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 251.473.762.262 | 338.818.541.354 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 185.754.691 | 245.147.357 |
| 3 | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV | 251.288.007.571 | 338.573.393.997 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 161.898.970.170 | 189.008.092.936 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV | 89.389.037.401 | 149.565.301.061 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 12.853.758.788 | 25.553.128.103 |
| | <i>Trong đó:</i> | | |
| | <i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i> | 11.879.718.500 | 21.017.963.500 |
| | <i>DT tài chính khác</i> | 974.040.288 | 4.535.164.603 |
| 7 | Chi phí hoạt động tài chính | 102.393.003.005 | 9.919.948.929 |
| | <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | 12.295.178.439 | 9.178.661.223 |
| 8 | Phần lỗ/ lãi trong công ty liên doanh liên kết | (226.203.667) | (152.190.039) |
| 9 | Chi phí bán hàng | 88.474.597.592 | 118.706.084.980 |
| 10 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 38.960.263.229 | 47.118.471.874 |
| 11 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | (127.811.271.304) | (778.266.658) |
| 12 | Thu nhập khác | 542.106.569 | 1.563.742.930 |
| 13 | Chi phí khác | 861.190.715 | 997.103.925 |
| 14 | Lợi nhuận khác | (319.084.146) | 566.639.005 |
| 15 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (128.130.355.450) | (211.627.653) |
| 16 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | 67.733.091 |
| 17 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 8.936.758.868 | 39.700.961 |
| 18 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (137.067.114.318) | (319.061.705) |
| 19 | Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | (91.516.671.813) | (451.428.377) |
| 20 | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | (45.550.442.505) | 132.366.672 |
| 21 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (11.006) | (54) |

gđ

Số: 38 /TTr-NASCO/HĐQT

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Đề nghị thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021;
Kế hoạch SXKD năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO);

Căn cứ Nghị quyết số 35 /NQ-NASCO/HĐQT ngày 27/5/2022 của HĐQT Công ty về việc thông qua các nội dung trình ĐHCĐ thường niên năm 2022.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của NASCO và kết quả thực hiện hợp nhất với công ty con năm 2021:

* Tình hình chung

- Dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, khó lường trên thế giới và trong nước mặc dù Vắc xin đã được tiêm chủng rộng rãi.

- Trong năm 2021, trong nước bùng phát 02 đợt dịch lớn vào tháng 02 và từ đầu tháng 05 đến cuối tháng 9/2021 với sự xuất hiện và lây lan nhanh của biến chủng Delta. Trong thời gian dịch bệnh bùng phát tình hình SXKD của Công ty ngày càng gặp nhiều khó khăn, nhất là sau khi TP. Hà Nội áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội từ ngày 24/07 đến 21/09/2021.

Cuối tháng 8/2021, Cục HKVN yêu cầu dừng bán vé đường bay nội địa, đến 01/10/2021 mới cho phép hoạt động bay trở lại. Thời gian đầu sau giãn cách sản lượng khách thấp và phục hồi chậm.

- Trong năm các điểm kinh doanh tại khu vực nhà ga Quốc tế, một số điểm kinh doanh tại sảnh E nhà ga nội địa dừng kinh doanh cả năm 2021. Trong khoảng thời gian TP Hà Nội áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội từ ngày 24/07 đến hết tháng 9/2021, hầu hết tất cả các điểm kinh doanh của Công ty tại Cảng HKQT Nội Bài đều tạm dừng hoạt động và không có doanh thu.

- Một số chi phí đầu vào lớn đối với hoạt động kinh doanh tăng mạnh (Chi phí khấu hao, chi phí thuê mặt bằng, chi phí nguyên nhiên vật liệu...) ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của Công ty trong khi các nguồn thu giảm rất mạnh.

- Trong kỳ Công ty phải trích lập dự phòng lỗ đầu tư RNDN tại các Công ty có vốn góp (Nasco Logistics, VSSI) là 44,11 tỷ đồng do các Công ty này bị lỗ, nhất là Nasco Logistics lỗ 89,53 tỷ đồng do phải trích lập 90 tỷ đồng đầu tư vào Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 1,1 tỷ đồng

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | KH năm 2021 | TH năm 2021 | TH 2021/TH 2020 (%) | TH 2021/KH 2021 (%) |
|------------|---|--------|-------------|-------------|---------------------|---------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=5/4 |
| I | Kết quả kinh doanh công ty mẹ | | | | | |
| 1 | Tổng doanh thu | Tr.đ | 238.296 | 118.889 | 52,5% | 49,9% |
| 2 | Tổng chi phí | Tr.đ | 238.187 | 199.702 | 88,2% | 83,8% |
| | <i>Trong đó</i> | | | | | |
| | <i>Chi phí trích lập dự phòng lỗ đầu tư RNDN</i> | Tr.đ | 0 | 44.107 | | |
| | <i>Chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi</i> | Tr.đ | 0 | 1.625 | | |
| 3 | Tổng lợi nhuận trước thuế | Tr.đ | 109 | - 80.814 | Giảm 80.922 | Giảm 80.923 |
| 4 | Tổng LNST thu nhập doanh nghiệp | Tr.đ | 109 | - 80.889 | Giảm 81.072 | Giảm 80.997 |
| II | Các chỉ tiêu khác công ty mẹ | | | | | |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | Tr.đ | | | | |
| 1.1 | Vốn CSH bình quân trong năm | Tr.đ | 125.678 | 125.678 | 100% | 100% |
| 1.2 | Vốn đầu tư của các CSH cuối kỳ báo cáo | Tr.đ | 124.735 | 83.158 | 100% | 66,67% |
| 2 | Thực hiện đầu tư trong kỳ | Tr.đ | | | | |
| 2.1 | Đầu tư XDCB và TTB | Tr.đ | | | | |
| | - Giá trị KL công việc hoàn thành | Tr.đ | 40.229 | 341 | 0,39% | 0,85% |
| | - Giá trị giải ngân | Tr.đ | 31.123 | 420 | 0,48% | 1,35% |
| 2.2 | Đầu tư vốn vào DN khác | Tr.đ | - 3.780 | 0 | 0,0% | 0,0% |
| 3 | Tổng quỹ lương, tiền công thực hiện | Tr.đ | 49.144 | 37.100 | 75,96% | 75,49% |
| 4 | Lao động bình quân thực tế sử dụng | Người | 446 | 362 | 86,81% | 81,17% |
| III | Chỉ tiêu hợp nhất | | | | | |
| 1 | Tổng DT và thu nhập khác hợp nhất | Tr.đ | 422.401 | 264.684 | 75,2% | 62,66% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | Tr.đ | 9.492 | - 128.130 | Giảm 124.919 | Giảm 137.622 |

*** Về doanh thu**

- Tổng doanh thu năm 2021 là 118.889 triệu đồng, đạt 49,9% KH năm 2021, bằng 52,5% TH năm 2020. Trong đó:

+ Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 là 104.747 triệu đồng, đạt 48,1% KH năm 2021, bằng 52,2% TH năm 2020.

+ Doanh thu hoạt động tài chính năm 2021 là 13.959 triệu đồng, đạt 68% KH năm 2021, bằng 56,9% TH năm 2020.

+ Doanh thu khác năm 2021 đạt 181,98 triệu đồng, đạt 181,9% KH năm 2021, bằng 11,7% TH năm 2020.

*** Về chi phí**

Tổng chi phí năm 2021 là 199.702 triệu đồng đạt 83,8% KH năm 2021, bằng 88,2% TH năm 2020.

Năm 2021 Công ty phát sinh khoản chi phí ngoài kế hoạch là chi phí trích lập dự phòng lỗ đầu tư RNDN (44.107 triệu đồng) và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (1.054 triệu đồng)

Công ty đã tăng cường áp dụng các giải pháp tiết giảm chi phí, sử dụng hợp lý các nguồn lực để giảm thiểu ảnh hưởng của dịch bệnh. Tuy nhiên trong bối cảnh doanh thu giảm mạnh không bù đắp được các chi phí cố định nên hiệu quả SXKD trong kỳ đạt thấp.

*** Về LNTT:**

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt - 80.814 triệu đồng, giảm 80.923 triệu đồng so với KH 2021, giảm 80.922 triệu đồng so với TH năm 2020.

*** Về quỹ tiền lương năm 2021**

- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021: 37.100 triệu đồng bằng 75% so với KH được ĐHĐCĐ thông qua.

Quỹ tiền lương thực hiện thấp hơn kế hoạch ĐHĐCĐ phê duyệt do Công ty chủ động cắt giảm quỹ tiền lương để đảm bảo hiệu quả của doanh nghiệp.

- Quỹ tiền lương Ban điều hành 2021: 1.268,74 triệu đồng

- Quỹ tiền lương của Người lao động năm 2021: 35.831,26 triệu đồng.

*** Về thực hiện đầu tư XD CB & ITB**

- Giá trị khối lượng công việc hoàn thành năm 2021: 341 triệu đồng, đạt 0,8% kế hoạch năm 2021.

- Giá trị giải ngân năm 2021: 420 triệu đồng đạt 1,3 % kế hoạch năm 2021 (Chuẩn bị đầu tư xây mới phòng khách thương gia Nội địa 110m² và 177m²).

+ Trong năm Công ty đang triển khai 01 dự án xây dựng cơ bản là dự án xây dựng cơ bản Xây mới phòng khách thương gia Nội địa 110m² và 177m² đã được phê duyệt triển khai từ cuối năm 2020, đã hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư, trình phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật của dự án.

+ Đối với các dự án, danh mục đầu tư khác tại Kế hoạch năm 2021: Do dịch bệnh ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh chung, Công ty gặp khó khăn về việc điều tiết kinh phí nhằm khắc phục các ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh, nhu cầu đầu tư của các dự án giảm theo tình hình thực tế. Do đó, Công ty buộc phải giãn tiến độ đầu tư các hạng mục còn lại sang các năm tiếp theo để đảm bảo hiệu quả đầu tư.

*** Về thực hiện đầu tư RNDN**

- Trong năm 2021 Công ty có kế hoạch thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty CP đầu tư dịch vụ hàng không Việt Nam, giá trị theo mệnh giá là 3.780 triệu đồng tương đương 36% VDL. Đến thời điểm hiện tại chưa hoàn thành việc thoái vốn và tiếp tục triển khai trong năm 2022.

- Các danh mục đầu tư RNDN khác: Giữ nguyên theo kế hoạch đã phê duyệt

* Về kế hoạch tăng VDL

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, Đại hội giao HĐQT Công ty căn cứ kế hoạch tăng VDL năm 2021, xây dựng phương án tăng vốn cụ thể báo cáo ĐHĐCĐ xem xét quyết định. Tuy nhiên, năm 2021 tình hình dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp, hoạt động SXKD của Công ty trong năm có nhiều biến động do đó Công ty chưa thực hiện tăng VDL. Trong thời gian tới, dịch bệnh dần được khống chế, tình hình SXKD của Công ty ổn định Công ty triển khai xây dựng phương án tăng VDL báo cáo ĐHĐCĐ xem xét, quyết định

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của NASCO năm 2022:

2.1. Định hướng và mục tiêu chung

Dịch bệnh Covid 19 vẫn đang diễn biến phức tạp, tình hình chính trị thế giới tiềm ẩn nhiều bất ổn do chiến sự Nga -Ukraina, dự báo tình hình SXKD của Công ty năm 2022 còn gặp nhiều khó khăn.

Sản lượng khách qua Cảng HKQT Nội Bài năm 2022 dự kiến có sự phục hồi, tuy nhiên đến hết quý I/2022 tốc độ phục hồi còn chậm, nhất là đối với khách quốc tế.

Môi trường kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục phải chịu sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp hoạt động tại Cảng HKQT Nội Bài; một số chi phí đầu vào lớn đối với hoạt động kinh doanh tăng mạnh so với cùng kỳ như: Chi phí thuê mặt bằng kinh doanh, chi phí nhượng quyền, chi phí nguyên nhiên vật liệu...

Với các nguồn lực hiện có, Công ty phát huy và tập trung mọi nguồn lực quyết tâm đạt các mục tiêu sau:

- Đảm bảo các biện pháp phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ; đảm bảo an toàn kinh doanh.

- Đảm bảo tối đa các nguồn lực đáp ứng hoạt động SXKD khi thị trường phục hồi, hoàn thành các chỉ tiêu hoạt động SXKD đề ra.

- Duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn đã cam kết với khách hàng.

- Tập trung đầu tư các dự án trọng điểm mở rộng quy mô kinh doanh, nâng cao năng lực kinh doanh, chất lượng dịch vụ và tạo tiền đề cho sự phát triển các năm tiếp theo sau khi thị trường phục hồi.

- Tiếp tục duy trì việc làm và chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật và của Công ty đảm bảo lợi ích hài hòa giữa doanh nghiệp và người lao động trong bối cảnh tình hình SXKD của Công ty còn gặp nhiều khó khăn.

2.2 Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022 trình ĐHĐCĐ

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Các chỉ tiêu | TH năm 2021 | KH năm 2022 | SS KH2022/TH2021 | |
|------------|---|----------------|----------------|------------------|---------------------|
| | | | | Số tuyệt đối | Số tương đối (%) |
| I | Kết quả kinh doanh công ty mẹ | | | | |
| 1 | Tổng doanh thu | 118.889 | 325.033 | 206.144 | 273% |
| 2 | Tổng chi phí | 199.702 | 240.692 | 40.990 | 121% |
| | <i>Trong đó</i> | | | | |
| | <i>Chi phí trích lập dự phòng lỗ đầu tư RNDN</i> | <i>44.107</i> | <i>0</i> | <i>-44.107</i> | <i>0,00</i> |
| | <i>Chi phí trích dự phòng nợ phải thu khó đòi</i> | <i>1.625</i> | <i>0</i> | <i>-1.625</i> | <i>0,00</i> |
| 3 | Tổng lợi nhuận trước thuế | -80.814 | 84.341 | 165.155 | |
| 4 | Tổng LNST thu nhập doanh nghiệp | -80.889 | 84.341 | 165.230 | |
| II | Các chỉ tiêu khác công ty mẹ | | | | |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | | | | |
| 1.1 | Vốn CSH bình quân trong năm | 125.678 | 125.678 | 0 | 100% |
| 1.2 | Vốn đầu tư của các CSH cuối kỳ báo cáo | 83.158 | 124.735 | 41.577 | 150% |
| 2 | Thực hiện đầu tư trong kỳ | | | | |
| 2.1 | Đầu tư XDCB và TTB | | | | |
| | - Giá trị KL công việc hoàn thành | 341 | 58.766 | 58.425 | 17.259% |
| | - Giá trị giải ngân | 420 | 54.369 | 53.949 | 12.945% |
| 2.2 | Đầu tư vốn vào DN khác | 0 | -13.780 | -13.780 | |
| 3 | Tổng quỹ lương, tiền công thực hiện | 37.100 | 49.144 | 12.044 | 132,46% |
| 4 | Lao động bình quân thực tế sử dụng | 362 | 436 | 74 | 120,44% |
| III | Chỉ tiêu hợp nhất | | | | |
| 1 | Tổng DT và thu nhập khác hợp nhất | 264.684 | 488.000 | 223.316 | 184,37% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | -128.130 | 84.869 | 212.999 | |

Ghi chú: Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022 trong trường hợp chuyển nhượng thành công 1.000.000 cổ phần NCTS, dự kiến thu về 84 tỷ đồng.

*** Về doanh thu**

Tổng doanh thu kế hoạch năm 2022 là 325.033 triệu đồng, bằng 273% so với thực hiện năm 2021. Trong đó:

- Doanh thu từ hoạt động SXKD là 228.665 triệu đồng bằng 218% so với thực hiện năm 2021. Nguyên nhân doanh thu KH 2022 tăng cao so với thực hiện năm 2021:

+ Doanh thu các điểm kinh doanh tại nhà ga Quốc tế tăng 43.295 triệu đồng do các điểm kinh doanh tại khu vực này mở cửa hoạt động trở lại từ tháng 01/2022 (Năm 2021 tạm dừng hoạt động không có doanh thu).

+ Do dịch bệnh dần được kiểm soát và Chính phủ áp dụng các biện pháp mới ứng phó với dịch bệnh, sản lượng khách qua Cảng HKQT Nội Bài tăng trở lại, một số dịch vụ của Công ty có sự tăng trưởng so với năm 2021 như: Dịch vụ phòng khách Thương gia Nội địa tăng 115%, dịch vụ vận chuyển khách trong sân đỗ tàu bay tăng 134%, doanh thu tài trợ quảng cáo tăng 91%.

+ Năm 2022 Công ty dự kiến đưa vào hoạt động 02 phòng khách thương gia mới từ tháng 7/2022, doanh thu tăng 11.154 triệu đồng.

- Doanh thu hoạt động tài chính là 96.267 triệu đồng, tăng 82.308 triệu đồng so với thực hiện năm 2021. Nguyên nhân:

+ Doanh thu chuyển nhượng 1 triệu cổ phần NCTS dự kiến đạt 84.000 triệu đồng;

+ Doanh thu cổ tức NCTS là 11.707 triệu đồng (Nhận cổ tức còn lại năm 2021 là 55% VDL của 1.827.649 cổ phần, tạm ứng cổ tức năm 2022 là 20% VDL của 827.649 cổ phần còn lại sau khi chuyển nhượng)

+ Thu tài chính khác 560 triệu đồng.

- Thu nhập khác là 100 triệu đồng từ thanh lý tài sản và thu bất thường khác.

*** Về chi phí**

Tổng chi phí kế hoạch năm 2022 là 240.692 triệu đồng bằng 121% thực hiện cùng kỳ năm 2021. Trong đó:

- Chi phí hoạt động SXKD là 228.556 triệu đồng bằng 160% cùng kỳ năm 2021.

Trong năm Công ty triển khai thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí nhất là các chi phí không liên quan trực tiếp đến hoạt động SXKD để đảm bảo hiệu quả. Năm 2022 một số chi phí tăng cao so với thực hiện năm 2021 như: Chi phí thuê mặt bằng kinh doanh, chi phí nhượng quyền, chi phí nguyên nhiên vật liệu đầu vào, chi phí nhân công... làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD của Công ty.

- Chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác: 12.136 triệu đồng giảm 44.307 triệu đồng so với cùng năm 2021 do năm 2022 không phải trích lập các khoản dự phòng lỗ đầu tư RNDN và nợ phải thu khó đòi, năm 2021 số tiền trích lập là 45.732 triệu đồng.

*** Lợi nhuận trước thuế**

Tổng LNTT năm 2022 là 84.341 triệu đồng. Trong đó:

- Lợi nhuận từ hoạt động SXKD là: 109 triệu đồng.

- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính và hoạt động khác (Trong đó có chuyển nhượng 1 triệu cổ phần NCTS) là: 84.232 triệu đồng.

*** Kế hoạch đầu tư năm 2022**

• Kế hoạch đầu tư XDCB&TTB năm 2022:

Giá trị khối lượng công việc hoàn thành

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Dự án chuyển tiếp:

+ Dự án mới:

- Xây dựng cơ bản:

+ Dự án chuyển tiếp:

+ Dự án mới:

- Đầu tư trang thiết bị lẻ:

Kế hoạch giải ngân:

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Dự án chuyển tiếp:

+ Dự án mới:

- Xây dựng cơ bản:

+ Dự án chuyển tiếp:

58.766 triệu đồng

28.836 triệu đồng

0 triệu đồng

28.836 triệu đồng

25.230 triệu đồng

9.804 triệu đồng

15.426 triệu đồng

4.700 triệu đồng

54.369 triệu đồng

28.836 triệu đồng

0 triệu đồng

28.836 triệu đồng

22.623 triệu đồng

10.215 triệu đồng

- + Dự án mới: 12.408 triệu đồng
- *Đầu tư trang thiết bị lẻ:* 2.910 triệu đồng
- *Kế hoạch đầu tư RNDN:*
- Thoái toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ hàng không Việt Nam (Giá trị vốn góp là 3.780 triệu đồng).
- Thoái 1.000.000 cổ phần của NASCO tại NCTS, giá trị theo mệnh giá là: 10.000.000.000 đồng, số lượng CP còn lại sau khi thoái một phần là 827.649 cổ phần.
- Các khoản đầu tư RNDN khác giữ nguyên như thực hiện năm 2021.

** Kế hoạch tiền lương*

Tổng quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 là 49.144 triệu đồng, tương đương so với kế hoạch năm 2021 và bằng 51% thực hiện 2019. Năm 2022 tình hình SXKD của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn, Công ty chủ động xây dựng quỹ tiền lương hợp lý để đảm bảo hài hòa lợi ích của người lao động và hiệu quả của doanh nghiệp.

** Kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty*

Để đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và nâng cao khả năng cạnh tranh, tăng thêm thế mạnh về năng lực tài chính cho doanh nghiệp khi giao dịch với các đối tác, Công ty đề xuất mức tăng vốn điều lệ từ 83.157.640.000 VNĐ lên 124.735.050.000 VNĐ.

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, Đại hội giao HĐQT Công ty căn cứ kế hoạch tăng VDL năm 2021, xây dựng phương án tăng vốn cụ thể báo cáo ĐHĐCĐ xem xét quyết định. Tuy nhiên, năm 2021 tình hình dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp, hoạt động SXKD của Công ty trong năm có nhiều biến động do đó Công ty chưa thực hiện tăng VDL. Trong thời gian tới, căn cứ nhu cầu về nguồn vốn và tình hình SXKD thực tế, Công ty sẽ tiến hành xây dựng phương án tăng vốn điều lệ trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

3. Kiến nghị

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung sau:

- Thông qua các nội dung đã nêu tại mục 1,2 của tờ trình này.
- HĐQT kiến nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 nội dung sau: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty rà soát lại kế hoạch SXKD sau khi dịch bệnh kết thúc, quyết định việc điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế (nếu có) và thông báo cho các cổ đông kết quả thực hiện.
- ĐHĐCĐ nhất trí giao cho HĐQT Công ty triển khai thực hiện các công việc có liên quan theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu VT, BTK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Đức Cảnh

Số: 39 /TTr-NASCO/HĐQT

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thông qua kết quả chi trả thù lao/tiền lương năm 2021, kế hoạch chi trả thù lao/tiền lương năm 2022 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO);

Căn cứ Nghị quyết số 35 /NQ-NASCO/HĐQT ngày 27/5/2022 của HĐQT Công ty về việc thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ thông qua nội dung chi trả thù lao/tiền lương của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

I. Thực hiện thù lao, tiền lương, tiền thưởng năm 2021

1. Việc chi trả thù lao năm 2021:

- Thù lao chi trả thực tế năm 2021 cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban soát là: 386.400.000 VNĐ/năm (Thành viên Hội đồng quản trị là 05 người và thành viên Ban kiểm soát là 02 người), mức chi cụ thể như sau:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị: 5.400.000 VNĐ/người/tháng

+ Thành viên Hội đồng quản trị: 4.700.000 VNĐ/người/tháng

+ Thành viên Ban kiểm soát: 4.000.000 VNĐ/người/tháng

- Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 123.480.000 VNĐ/năm

- Mức chi trả thù lao/tiền lương cho HĐQT, BKS năm 2021 thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã thông qua.

2. Việc chi trả Quỹ tiền lương của Ban điều hành năm 2021

Quỹ tiền lương thực hiện của Ban điều hành năm 2021 là: 1.268.740.257 VNĐ/năm

Trong đó:

+ Quỹ tiền lương thực hiện của TGD là: 448.625.440 VNĐ/năm

+ Quỹ tiền thực hiện của người quản lý còn lại: 820.114.817 VNĐ/năm

Quỹ tiền lương của Ban điều hành năm 2021 thực hiện theo hướng dẫn tại định tại Nghị định số 20/2020/NĐ-CP và thông tư số 04/2020/TT-BLĐTBXH thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với các Công ty có vốn góp chi phối của TCT HKVN.



9/

3. Tiền thưởng của HĐQT và Ban điều hành năm 2021: Công ty không trích lập tiền thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

II. Kế hoạch chi trả Thù lao, tiền lương năm 2022:

1. Đối với thù lao HĐQT và Ban kiểm soát

- Mức thù lao hàng tháng đối với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

- | | |
|---------------------------------|---------------------------|
| + Chủ tịch Hội đồng quản trị: | 5.400.000 VNĐ/người/tháng |
| + Thành viên Hội đồng quản trị: | 4.700.000 VNĐ/người/tháng |
| + Thành viên Ban kiểm soát: | 4.000.000 VNĐ/người/tháng |

Với mức chi này thì tổng chi thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 là: 386.400.000 VNĐ/năm (Thành viên Hội đồng quản trị là 05 người và thành viên Ban kiểm soát là 02 người).

2. Đối với Quỹ tiền lương Trưởng Ban kiểm soát: 123.480.000 VNĐ/năm (Bảng thực hiện năm 2021).

3. Đối với tiền lương của Ban điều hành

- Quỹ tiền lương của Ban điều hành là: 2.286.500.000 VNĐ/năm.

Trong đó:

- + Quỹ tiền lương của TGD là: 648.000.000 VNĐ/năm
- + Quỹ tiền lương của người quản lý còn lại là: 1.638.500.000 VNĐ/năm.

(Quỹ tiền lương của Ban điều hành năm 2022 xây dựng đảm bảo thực hiện đúng theo hướng dẫn tại định tại Nghị định số 20/2020/NĐ-CP và thông tư số 04/2020/TT-BLĐTBXH thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với các Công ty có vốn góp chi phối của TCT HKVN).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Đức Cảnh

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt phương án tăng vốn Điều lệ của NASCO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài;

Căn cứ nhu cầu vốn và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét phê duyệt phương án tăng vốn Điều lệ của NASCO như sau:

I. Thực trạng và nhu cầu vốn điều lệ

Tính đến ngày 31/12/2021, vốn điều lệ (VĐL) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài là: 83,16 tỷ đồng. Đây là số vốn các cổ đông đã đầu tư vào NASCO sau khi Công ty tăng vốn điều lệ từ 69,3 tỷ đồng lên 83,16 tỷ đồng năm 2010. Trong đó số vốn của Tổng Công ty hàng không Việt Nam – CTCP là: 42,41 tỷ đồng, chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty. Đến nay, vốn đầu tư của các chủ sở hữu cơ bản đã được NASCO sử dụng cho hoạt động đầu tư; theo Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán, VĐL đã sử dụng để đầu tư vào tài sản cố định và đầu tư vào doanh nghiệp khác là 103,95 tỷ đồng (bằng tài sản dài hạn trừ vay dài hạn).

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư từ năm 2022 đến năm 2024, giai đoạn này nhu cầu VĐL cần được bổ sung để đáp ứng cho hoạt động SXKD và đầu tư dự tính khoảng 226,19 tỷ đồng (Theo số liệu KH 05 năm 2021-2025 cập nhật kết quả SXKD năm 2021 và dự báo thị trường giai đoạn 2022-2025).

Như vậy Công ty đang cần huy động thêm vốn từ nhiều nguồn khác nhau để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư nhằm nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng quy mô kinh doanh nhất là các dịch vụ kinh doanh cốt lõi sau khi thị trường hồi phục.

II. Sự cần thiết tăng vốn điều lệ

Qua phân tích một số chỉ số tài chính cơ bản cho thấy tỷ lệ nợ trên tổng tài sản hay mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính của Công ty có xu hướng tăng và hiện đang ở mức khá cao, đồng thời các chỉ số về khả năng thanh toán cũng đang giảm mạnh xuống ngưỡng an toàn (Do ảnh hưởng của dịch Covid – 19).

(Dữ liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán các năm 2018, 2019, 2020, 2021)

Với tình hình tài chính hiện tại, Công ty đang chịu áp lực về huy động vốn và chi phí tài chính do yêu cầu ngày càng khắt khe của các tổ chức tín dụng khi thẩm định hồ sơ vay. Trường hợp VDL của Công ty được đầu tư bổ sung, các chỉ số tài chính được cải thiện, uy tín và vị thế của Công ty được nâng cao sẽ giúp cho Công ty thuận lợi hơn trong việc tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi từ các tổ chức tín dụng; duy trì quan hệ bền vững, lâu dài với các đối tác, nhà cung cấp, cung ứng.

Xuất phát từ thực trạng về vốn điều lệ, tình hình tài chính, nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của công ty đến năm 2025, việc đầu tư tăng vốn điều lệ cho NASCO là vô cùng cần thiết nhằm:

** Đáp ứng nhu cầu phát triển SXKD*

- Giảm áp lực về huy động vốn và chi phí tài chính do khi vốn điều lệ của Công ty được đầu tư bổ sung, uy tín, vị thế của Công ty được nâng cao sẽ giúp cho Công ty thuận lợi hơn trong việc tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi từ các tổ chức tín dụng.

- Nâng cao năng lực quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng tính chủ động, linh hoạt trong công tác điều hành và ra quyết định, đặc biệt đối với các hợp đồng huy động vốn, vay vốn.

- Cải thiện sức khỏe tài chính doanh nghiệp, từ đó có thể mở rộng, phát triển nhiều hoạt động SXKD khác.

** Nâng cao khả năng cạnh tranh, tăng thêm thế mạnh về năng lực tài chính cho doanh nghiệp khi giao dịch với các đối tác*

- Tăng vốn điều lệ của công ty làm tăng khả năng chịu trách nhiệm đối với vật chất/tài sản trong doanh nghiệp, trong việc tiến hành những nghĩa vụ và các khoản nợ với các chủ nợ, đối tác. Bên cạnh đó, sau khi tăng Vốn điều lệ Công ty sẽ trở thành Công ty đại chúng quy mô lớn, từ đó gia tăng nghĩa vụ đối với công chúng đồng thời gia tăng uy tín, hình ảnh trong mắt đối tác.

III. Đề xuất mức điều chỉnh tăng vốn điều lệ

Việc tăng vốn trong năm 2022 của NASCO là rất cần thiết để cân đối được nguồn tiền cho đầu tư và đảm bảo tốt tình hình tài chính của NASCO.

Căn cứ tổng nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đề xuất mức tăng vốn điều lệ như sau:

- Số vốn tăng dự kiến phát hành tối đa: 41.577.410.000 VNĐ
- Vốn điều lệ dự kiến tối đa sau khi phát hành là: 124.735.050.000 VNĐ
- Nguồn vốn: Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.
- Thời điểm tăng vốn: Sau khi được ĐHCĐ thông qua phương án.

IV. Phương án tăng vốn điều lệ đề xuất:

| | |
|---------------------------------|---|
| Tên cổ phiếu: | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài |
| Loại cổ phiếu: | Cổ phiếu phổ thông |
| Mệnh giá: | 10.000 đồng / cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành: | 8.315.764 cổ phiếu |
| - Cổ phiếu lưu hành | 8.315.482 cổ phiếu |

| | |
|---|---|
| - Cổ phiếu quỹ | 282 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa theo tỷ lệ: | 4.157.741 cổ phiếu <i>Tại thời điểm lập phương án này, số lượng cổ phiếu đã phát hành của Công ty là 8.315.764 cổ phiếu, Số lượng cổ phiếu quỹ là 282 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu sẽ căn cứ theo tỷ lệ thực hiện quyền của số lượng cổ phiếu đang lưu hành của công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông (Cổ phiếu đang lưu hành = Cổ phiếu đã phát hành – Cổ phiếu quỹ)</i> |
| Tổng giá trị phát hành dự kiến tối đa: | 41.577.410.000 đồng |
| Vốn điều lệ dự kiến tối đa sau khi phát hành: | 124.735.050.000 đồng |
| Đối tượng phát hành: | Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm. |
| Phương thức phát hành: | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu. Cổ phiếu cổ đông được nhận sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền. |
| Nguồn vốn thực hiện: | Quỹ đầu tư phát triển; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán tại ngày 31/12/2021 của NASCO đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật. |
| Tỷ lệ thực hiện quyền: | Ủy quyền cho HĐQT quyết định chi tiết nguồn vốn triển khai khi thực hiện. 2:1 (Cổ đông sở hữu 2 cổ phần được nhận 1 cổ phần mới) |
| Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: | Số lượng cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 207 cổ phần Công ty, với tỷ lệ thực hiện quyền 2:1 thì số cổ phần mà cổ đông A được nhận thêm là: $207 * 1/2 = 103,5$ cổ phần. Theo nguyên tắc làm tròn trên, số cổ phần mới mà cổ đông A được nhận là 103 cổ phần. Số cổ phần lẻ (0,5 cổ phần) sẽ được hủy bỏ. |
| Hạn chế chuyển nhượng: | Cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng. |
| Thời gian phát hành | Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và UBCKNN chấp thuận. |
| Đăng ký và Niêm yết cổ phần phát | Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký |

(Chi tiết tại Phương án tăng vốn Điều lệ kèm theo)

V. Kiến nghị

- Từ thực trạng, nhu cầu VDL và các phân tích tài chính trên đây, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty như trình bày tại mục III và IV;


- Giao HĐQT Công ty và ban điều hành triển khai thủ tục tăng vốn theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty đối với các điều khoản có liên quan đến nội dung thay đổi vốn điều lệ theo phương án phát hành đã báo cáo trên đây; Thực hiện các thủ tục cần thiết để tiến hành thay đổi nội dung Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Công ty, đăng ký, lưu ký, niêm yết đối với cổ phần phát hành bổ sung và các thủ tục có liên quan khác theo quy định của Công ty và Pháp luật hiện hành.

Trân trọng cảm ơn!

 Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BTK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH




Lê Đức Cảnh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI**

**PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2022
TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

(Kèm theo Tờ trình số: HC /TTr-NASCO/HĐQT ngày 27 tháng 5 năm 2022)

Hà Nội, tháng 5/2022

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| I. CĂN CỨ PHÁP LÝ | 2 |
| II. THỰC TRẠNG VỐN CHỦ SỞ HỮU, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY..... | 2 |
| 1. Thực trạng vốn chủ sở hữu..... | 2 |
| 2. Kết quả kinh doanh và chỉ số tài chính | 3 |
| III. KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN NĂM 2021-2025 | 5 |
| 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh..... | 5 |
| 2. Kế hoạch đầu tư phát triển | 5 |
| IV. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ..... | 6 |
| 1. Sự cần thiết phải tăng vốn điều lệ | 6 |
| 2. Phương pháp xác định mức tăng vốn điều lệ..... | 7 |
| 3. Đề xuất mức điều chỉnh tăng vốn điều lệ..... | 7 |
| 4. Phương án tăng vốn điều lệ đề xuất: | 9 |
| 5. Hồ sơ đề nghị phê duyệt tăng vốn điều lệ..... | 11 |
| KẾT LUẬN..... | 11 |

PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI (NAS)
(Kèm tờ trình số: 40 /TTr-NASCO/HĐQT ngày 27 /5/2022)

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (NAS);
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số: 63/NQ-NASCO/ĐHĐCĐ ngày 24/06/2021.


II. THỰC TRẠNG VỐN CHỦ SỞ HỮU, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY.

1. Thực trạng vốn chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (sau đây gọi là “Công ty” hoặc “NASCO”), tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước mang tên Công ty Dịch vụ Cùm cảng Hàng không sân bay miền Bắc, được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/1993. Ngày 21/10/2005, Công ty được cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài. Năm 2007 vốn điều lệ của Công ty tăng lên 49.500.000.000 đồng, tháng 7 năm 2009 Công ty tăng vốn điều lệ lên 69.298.640.000 đồng và 2010 tăng vốn điều lệ lên 83.157.640.000 đồng.

Công ty hoạt động theo giấy phép ĐKKD số 0100108254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/04/2006 và thay đổi lần thứ 11 ngày 14/09/2018.

Hiện nay, NASCO có 3 cổ đông lớn: (1) Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP sở hữu 4.241.160 cổ phần, chiếm 51,00% vốn điều lệ; (2) Ông Đỗ Hữu Nghĩa sở hữu 900.376 cổ phần, chiếm 10,83% vốn điều lệ; (3) Công ty cổ phần Tập Đoàn Taseco sở hữu 682.680 cổ phần, chiếm 8,21% vốn điều lệ. Cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ là 83.157.640.000 VNĐ (Tám mươi ba tỷ, một trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội: 8.315.764 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 8.315.482 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ: 282 cổ phiếu
- Cơ cấu cổ đông hiện tại: 

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty

| STT | Tên cổ đông | Vốn góp | | Tỷ lệ |
|-----|---|------------------|---------------------|-------------|
| | | Số cổ phần | Giá trị (triệu VNĐ) | |
| 1 | Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP | 4.241.160 | 42.411,6 | 51,00% |
| 2 | Ông Đỗ Hữu Nghĩa | 900.376 | 9.003,76 | 10,83% |
| 3 | Công ty cổ phần tập đoàn Taseco | 682.680 | 6.826,80 | 8,21% |
| 4 | Cổ đông nhỏ | 2.491.366 | 24.913,66 | 29,96% |
| | Tổng cộng | 8.315.482 | 83.154,82 | 100% |

Theo Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, Vốn chủ sở hữu (VCSH) chi tiết như sau:

| STT | Khoản mục | Tại 31/12/2021 (Theo BCTC riêng được kiểm toán) | Tại 31/12/2021 (Theo BCTC hợp nhất được kiểm toán) |
|-----|-----------------------------------|---|--|
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 83.157.640.000 | 83.157.640.000 |
| 2 | Cổ phiếu quỹ | 2.820.000 | 2.820.000 |
| 3 | Quỹ đầu tư phát triển | 38.553.684.206 | 38.553.684.206 |
| 4 | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 3.969.213.452 | 3.969.213.452 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | -75.960.723.668 | -85.410.631.490 |
| 6 | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | | 14.732.401.476 |
| | Tổng nguồn vốn chủ sở hữu | 49.716.993.990 | 54.999.487.645 |

2. Kết quả kinh doanh và chỉ số tài chính

2.1 Kết quả kinh doanh

Một số chỉ tiêu quan trọng thể hiện kết quả SXKD các năm gần đây:

Bảng 2: Kết quả SXKD và các chỉ số tài chính năm 2019-2021

Dvt: triệu VNĐ

| Các chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 |
|---|----------|----------|----------|
| Kết quả SXKD | | | |
| Tổng tài sản | 430.493 | 445.793 | 266.481 |
| Doanh thu thuần | 595.423 | 338.573 | 251.288 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 42.416 | -778 | -127.811 |

| Các chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 |
|----------------------|----------|----------|----------|
| Lợi nhuận khác | 350 | 567 | -319 |
| Lợi nhuận trước thuế | 42.766 | -212 | -128.130 |
| Lợi nhuận sau thuế | 38.485 | -319 | -137.067 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020- 2021 được kiểm toán

** Đánh giá:*

Các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận sau thuế của NASCO qua các năm có tăng trưởng tích cực. Doanh thu năm 2018 tăng 8,4% so với năm 2017, doanh thu năm 2019 đã tăng trên 4,7% so với doanh thu năm 2018. Riêng năm 2020 doanh thu giảm 44% so với doanh thu năm 2019, năm 2021 doanh thu giảm 27% so với doanh thu năm 2020 do ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19.

2.2 Chỉ số tài chính

Bảng 3: Các chỉ số tài chính năm 2019-2021

| Các chỉ số tài chính | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 |
|--|----------|----------|----------|
| Khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần) | 1,46 | 1,03 | 0,75 |
| Hệ số thanh toán nhanh (lần) | 1,20 | 0,91 | 0,70 |
| Cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần) | 0,49 | 0,57 | 0,79 |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần) | 0,96 | 1,34 | 3,85 |
| Năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay tổng tài sản (lần) | 1,54 | 0,77 | 0,71 |
| Vòng quay vốn lưu động (lần) | 3,42 | 1,92 | -5,63 |
| Vòng quay hàng tồn kho (lần) | 14,24 | 7,0 | 15,13 |
| Khả năng sinh lời | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) | 6,46% | -0,09% | -54,53% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) | 9,97% | -0,07% | -51,44% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) | 18,11% | -0,16% | -249,22% |
| Thu nhập trên cổ phần (EPS) | 4.628 | -38 | -16.483 |

** Đánh giá:*

Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản hay mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính của Công ty có xu hướng tăng và hiện đang ở mức khá cao, đồng thời các chỉ số về khả năng thanh toán cũng đang giảm mạnh xuống ngưỡng kém an toàn.

III. KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN NĂM 2021-2025

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Tầm nhìn của NASCO là trở thành doanh nghiệp cung cấp chất lượng dịch vụ sân bay hàng đầu cho các Hãng hàng không nội địa, quốc tế và khách hàng tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, cùng với sứ mệnh đảm bảo thỏa mãn đầy đủ những yêu cầu và mong đợi của khách hàng và các bên quan tâm, tăng cường hợp tác với các đối tác kinh doanh trong Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài.

Với tầm nhìn và sứ mệnh kiên định như vậy, NASCO luôn hướng đến sự chuyên nghiệp trong kinh doanh các dịch vụ cốt lõi và có những đóng góp giá trị vào chuỗi vận chuyển hàng hoá quốc tế đường hàng không.

Trong vòng 5 năm tới Công ty có các chiến lược:

- Nâng cao chất lượng, giữ vững và tiếp tục tăng quy mô các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, đồng thời nghiên cứu và phát triển những ngành kinh doanh mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

- Tổ chức lại hoạt động kinh doanh của các Nhà hàng, các bộ phận của các đơn vị đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

Bảng 4: Kế hoạch tài chính giai đoạn 2021-2025

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|------------|---|---------|---------|---------|---------|---------|
| I | Kết quả SXKD Công ty mẹ | | | | | |
| 1 | Vốn đầu tư của các CSH | 83.158 | 124.735 | 124.735 | 124.735 | 187.103 |
| 2 | Tổng doanh thu | 118.889 | 325.033 | 325.521 | 386.550 | 431.020 |
| 3 | Tổng chi phí | 199.702 | 240.692 | 313.202 | 348.004 | 385.568 |
| 4 | LNTT | -80.814 | 84.341 | 12.319 | 38.546 | 45.452 |
| 5 | LNST | -80.889 | 84.341 | 11.097 | 32.078 | 37.603 |
| 6 | Đầu tư TTB và XDCB (GTGN) | 420 | 54.369 | 112.130 | 59.691 | 32.959 |
| 7 | Đầu tư ra ngoài DN | 0 | -13.780 | 0 | 0 | 0 |
| II | Các chỉ số khả năng sinh lời | | | | | |
| 1 | Tỷ suất LNTT/Tổng DT (%) | -67,97 | 25,95 | 3,78 | 9,97 | 10,55 |
| 2 | Tỷ suất LNTT/Tổng TS (%) | -34,18 | 23,32 | 3,26 | 10,19 | 11,89 |
| 3 | Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu BQ (%) | -64,36 | 67,11 | 8,83 | 24,89 | 23,45 |
| III | Một số chỉ tiêu cơ cấu tài chính | | | | | |
| 1 | Vốn CSH/Tổng nguồn vốn (%) | 21,03 | 35,44 | 38,84 | 47,68 | 52,15 |
| 2 | Nợ phải trả/Vốn CSH (lần) | 3,76 | 1,82 | 1,57 | 1,10 | 0,92 |
| 3 | Nợ phải trả/Tổng TS (%) | 78,97 | 64,56 | 61,16 | 52,32 | 47,85 |

| STT | Chỉ tiêu | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|-----------|-----------------------------------|----------|---------|---------|---------|---------|
| 4 | Nợ dài hạn/Vốn CSH (lần) | 1,94 | 1,13 | 0,80 | 0,48 | 0,29 |
| IV | Chỉ tiêu hợp nhất | | | | | |
| | Tổng DT và thu nhập khác hợp nhất | 264.684 | 488.000 | 509.035 | 581.157 | 652.136 |
| | LNTT hợp nhất | -128.130 | 84.869 | 13.033 | 62.390 | 78.190 |

Số liệu KH 05 năm 2021-2025 cập nhật theo kết quả thực hiện năm 2021 và tình hình thị trường 2022-2025

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

Trong giai đoạn năm 2021 –2025, NASCO sẽ triển khai đầu tư nhiều dự án, với mục tiêu không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ, nâng tầm doanh nghiệp. Có thể kể đến các dự án quan trọng như:

- Xây mới các phòng khách hạng thương nội địa phục vụ các ngân hàng, tập đoàn;
- Cải tạo, nâng cấp phòng khách hạng thương gia tại sân bay lẻ: Phú Quốc, Đà Nẵng;
- Xây mới phòng khách hạng thương gia quốc tế tại nhà ga T2;
- Đầu tư các PTVT phục vụ vận chuyển khách trong sân đỗ tàu bay và vận chuyển CB-CNV cho các đơn vị tại khu vực Cảng HKQT Nội Bài.

Tổng giá trị giải ngân giai đoạn 2022-2024 là 226,19 tỷ đồng, giai đoạn 2021-2025 là: 260,09 tỷ đồng (Theo số liệu KH 05 năm 2021-2025)

IV. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Sự cần thiết phải tăng vốn điều lệ

Xuất phát từ thực trạng về vốn điều lệ, tình hình tài chính, nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của công ty đến năm 2025 như trình bày tại mục III nêu trên, việc đầu tư tăng vốn điều lệ cho NASCO là vô cùng cần thiết nhằm:

** Đáp ứng nhu cầu phát triển SXKD*

- Giảm áp lực về huy động vốn và chi phí tài chính do khi vốn điều lệ của Công ty được đầu tư bổ sung, uy tín, vị thế của Công ty được nâng cao sẽ giúp cho Công ty thuận lợi hơn trong việc tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi từ các tổ chức tín dụng.

- Nâng cao năng lực quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng tính chủ động, linh hoạt trong công tác điều hành và ra quyết định, đặc biệt đối với các hợp đồng huy động vốn, vay vốn.

- Cải thiện sức khỏe tài chính doanh nghiệp, từ đó có thể mở rộng, phát triển nhiều hoạt động SXKD khác.

** Nâng cao khả năng cạnh tranh, tăng thêm thế mạnh về năng lực tài chính cho doanh nghiệp khi giao dịch với các đối tác*

- Tăng vốn điều lệ của công ty làm tăng khả năng chịu trách nhiệm đối với vật chất / tài sản trong doanh nghiệp, trong việc tiến hành những nghĩa vụ và các khoản nợ với các chủ nợ, đối tác. Bên cạnh đó, sau khi tăng Vốn điều lệ Công ty sẽ trở thành Công ty đại chúng quy mô lớn, từ đó gia tăng nghĩa vụ đối với công chúng đồng thời gia tăng uy tín, hình ảnh trong mắt đối tác.

2. Phương pháp xác định mức tăng vốn điều lệ

2.1 Căn cứ pháp lý và quy định liên quan

Việc xác định mức tăng vốn điều lệ được căn cứ vào các quy định, văn bản pháp luật liên quan như sau:

- Thực hiện theo khoản 2 điều 62 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán :

“ Nguồn vốn chủ sở hữu đủ để tăng vốn cổ phần, cụ thể như sau:

a) Nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn cổ phần được căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, bao gồm các nguồn sau: thặng dư vốn cổ phần; quỹ đầu tư phát triển; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác, nguồn thực hiện được căn cứ trên báo cáo tài chính của công ty mẹ;

c) Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, lợi nhuận quyết định phân phối không được vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán. Trường hợp lợi nhuận quyết định phân phối thấp hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, công ty chỉ được thực hiện việc phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

3. Tổng giá trị các nguồn quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải đảm bảo không thấp hơn tổng giá trị vốn cổ phần tăng thêm theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua.”

- Căn cứ các quy định của Tổng Công ty, Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý tài chính của Công ty NASCO.

2.2 Cơ sở dữ liệu:

| STT | Khoản mục | Tại 31/12/2021 (Theo BCTC riêng được kiểm toán) | Tại 31/12/2021 (Theo BCTC hợp nhất được kiểm toán) |
|-----|-----------------------------------|---|--|
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 83.157.640.000 | 83.157.640.000 |
| 2 | Cổ phiếu quỹ | 2.820.000 | 2.820.000 |
| 3 | Quỹ đầu tư phát triển | 38.553.684.206 | 38.553.684.206 |
| 4 | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 3.969.213.452 | 3.969.213.452 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | -75.960.723.668 | -85.410.631.490 |
| 6 | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | | 14.732.401.476 |

| | | | |
|--|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Tổng nguồn vốn chủ sở hữu | 49.716.993.990 | 54.999.487.645 |
|--|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|

2.3 Phương pháp xác định

Dựa trên quy định tại Khoản 1, Điều 9, Nghị định 91/2015/NĐ-CP và Khoản 5, Điều 2 Nghị định 140-2020/NĐ-CP, vốn điều lệ điều chỉnh của doanh nghiệp nhà nước được xác định như sau:

| | | | | | | |
|---|---|---|---|--|---|---|
| Vốn điều lệ xác định lại | = | Vốn điều lệ đã được phê duyệt gần nhất trước thời điểm xác định lại | + | Mức vốn điều lệ được điều chỉnh tăng tối thiểu trong 03 năm kể từ năm xác định lại | | |
| Mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng tối thiểu trong 03 năm kể từ năm xác định lại | = | Mức vốn đầu tư từ các nguồn được phê duyệt trong các dự án đầu tư nêu tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định 140-2020/NĐ-CP | + | Mức vốn đầu tư từ các nguồn được phê duyệt quy định Khoản 3 Điều 9 + Nghị định 140-2020/NĐ-CP. | + | Mức điều chỉnh tăng từ các nguồn được phê duyệt quy định Khoản 4 Điều 9 Nghị định 140-2020/NĐ-CP. |
| (V _{đc}) | | (V _{đt}) | | (V _{sxkd}) | | (V _{ts}) |

2.4 Xác định mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng thêm

Từ cơ sở dữ liệu và phương pháp xác định mức vốn điều lệ điều chỉnh nêu trên, mức vốn điều lệ điều chỉnh được xác định với chi tiết như sau:

- Vốn điều lệ hiện tại: 83.157.640.000 VNĐ
- Năm trước liền kề năm xác định điều chỉnh vốn điều lệ: năm 2021.
- Năm xác định điều chỉnh vốn điều lệ: năm 2022.
- Năm thứ 3 tiếp theo so với năm trước liền kề năm xác định điều chỉnh vốn điều lệ: năm 2024.

*** VDL tăng thêm dùng cho đầu tư phát triển (tỷ lệ vốn CSH tham gia vào các dự án bình quân khoảng 15%):**

$$V_{đt} = 15\% * (54.369 + 112.130 + 59.691) = 33.929 \text{ triệu VNĐ}$$

Trong đó:

- Tổng giá trị đầu tư tại KH đầu tư năm 2022 là 54.369 triệu VNĐ, năm 2023 là 112.130 triệu đồng, năm 2024 là 59.691 triệu VNĐ

(Số liệu theo Kế hoạch đầu tư trang thiết bị & XDCB giai đoạn 2021-2025 đã báo cáo);

*** VDL tăng thêm dùng cho sản xuất kinh doanh:**

$$V_{sxkd} = 30\% * (386.550 - 118.889) = 80.298 \text{ triệu VNĐ}$$

Trong đó: Doanh thu năm 2024 được dự báo là 386.550 triệu VNĐ, doanh thu sau kiểm toán năm 2021 là 118.889 triệu VNĐ.

* **VĐL tăng thêm dùng cho việc chuyển đổi tài sản:** Không có.

→ **Mức VĐL tăng thêm:**

$$V_{\text{đc}} = V_{\text{đt}} + V_{\text{sxkd}} + V_{\text{ts}} = 33.929 + 80.298 + 0 = 114.227 \text{ triệu VNĐ.}$$

Như vậy, mức vốn điều lệ cần điều chỉnh tăng thêm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty giai đoạn 2022-2024 là 114.227 triệu VNĐ.

Tuy nhiên, hiện tại Công ty chỉ đề nghị tăng vốn từ các nguồn quỹ hiện có của Công ty. Công ty sẽ cân đối từ các nguồn vốn khác cũng như làm việc với các tổ chức tín dụng để đáp ứng nhu cầu SXKD, không phải tăng toàn bộ con số tính theo nhu cầu trên.

3. Đề xuất mức điều chỉnh tăng vốn điều lệ

Việc tăng vốn trong năm 2022 của NASCO là rất cần thiết để cân đối được nguồn tiền cho đầu tư và đảm bảo tốt tình hình tài chính của NASCO.

Căn cứ tổng nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đề xuất mức tăng vốn điều lệ như sau:

- Số vốn tăng dự kiến phát hành tối đa: 41.577.410.000 VNĐ
- Vốn điều lệ dự kiến tối đa sau khi phát hành là: 124.735.050.000 VNĐ
- Nguồn vốn: Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.
- Thời điểm tăng vốn: Sau khi được ĐHCĐ thông qua.

4. Phương án tăng vốn điều lệ đề xuất:

| | |
|--|---|
| Tên cổ phiếu: | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài |
| Loại cổ phiếu: | Cổ phiếu phổ thông |
| Mệnh giá: | 10.000 đồng / cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành: | 8.315.764 cổ phiếu |
| - Cổ phiếu lưu hành | 8.315.482 cổ phiếu |
| - Cổ phiếu quỹ | 282 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa theo tỷ lệ: | 4.157.741 cổ phiếu |

Tại thời điểm lập phương án này, số lượng cổ phiếu đã phát hành của Công ty là 8.315.764 cổ phiếu, Số lượng cổ phiếu quỹ là 282 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu sẽ căn cứ theo tỷ lệ thực hiện quyền của số lượng cổ phiếu đang lưu hành của công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông (Cổ phiếu đang lưu hành = Cổ phiếu đã phát hành – Cổ phiếu quỹ)

| | |
|---|--|
| Tổng giá trị phát hành dự kiến tối đa: | 41.577.410.000 đồng |
| Vốn điều lệ dự kiến tối đa sau khi phát hành: | 124.735.050.000 đồng |
| Đối tượng phát hành: | Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm. |
| Phương thức phát hành: | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu. Cổ phiếu cổ đông được nhận sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền. |
| Nguồn vốn thực hiện: | Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán tại ngày 31/12/2021 của NASCO đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật. Ủy quyền cho HĐQT quyết định chi tiết nguồn vốn triển khai khi thực hiện. |
| Tỷ lệ thực hiện quyền: | 2:1 (Cổ đông sở hữu 2 cổ phần được nhận 1 cổ phần mới) |
| Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: | Số lượng cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 207 cổ phần Công ty, với tỷ lệ thực hiện quyền 2:1 thì số cổ phần mà cổ đông A được nhận thêm là: $207 \times 1/2 = 103,5$ cổ phần. Theo nguyên tắc làm tròn trên, số cổ phần mới mà cổ đông A được nhận là 103 cổ phần. Số cổ phần lẻ (0,5 cổ phần) sẽ được hủy bỏ. |
| Hạn chế chuyển nhượng: | Cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng. |
| Thời gian phát hành | Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và UBCKNN chấp thuận. |
| Đăng ký và Niêm yết cổ phần phát hành | Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký <i>OK</i> |

thêm:

lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

5. Hồ sơ đề nghị phê duyệt tăng vốn điều lệ

Bộ hồ sơ gồm các tài liệu sau đây:

- Công văn số: 40 /BC-NASCO ngày 27/5/2022.
- Phương án tăng Vốn điều lệ.
- Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.
- Các hồ sơ khác theo yêu cầu của các cơ quan chức năng có liên quan.

KẾT LUẬN

Việc tăng vốn điều lệ cho NASCO là hết sức cấp thiết nhằm đáp ứng các yêu cầu về đầu tư và phát triển, nâng cao năng lực và tạo vị thế cạnh tranh mạnh mẽ cho công ty trên thị trường dịch vụ hàng không, qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh và đóng góp tích cực cho xã hội trên nhiều mặt.

Đây là công việc cần triển khai càng sớm càng có lợi nên rất mong các cấp thẩm quyền quan tâm giải quyết. *gk*

